

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	The Socialist Republic of Vietnam
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc	Independence - Freedom - Happiness
<i>Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2011</i>	<i>Ha Noi City, Date 09th June, 2011</i>
HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG	CONSTRUCTION CONTRACT
<i>Số:/2011/HĐKT</i>	<i>No:/2011 /HDKT</i>
Gói thầu số:	
Dự án :	
Địa điểm :	
GIỮA	BETWEEN
A	
VÀ	AND
B	
PHẦN 1 – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	PART 1 – BASED ON FOR SIGNING CONTRACT
1. Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;	1. Pursuant to Civil Code No. 33/2005/QH11 dated 14/06/2005 of the National Assembly of Socialist republic of Vietnam ;
2. Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4;	2. Pursuant to Construction Law No. 16/2003/QH11 dated 26/11/2003 of the National Assembly, 4th session
3. Tham khảo Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4;	3. Refer to Investment law number 61/2005/QH11 dated 29/11/2005 of the National Assembly, 4th session;
4. Tham khảo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;	4. Refer to the Decree No. 85/2009/ND-CP dated 15/10/2009 of Government providing guidelines on implementation of the Tendering Law on and selection of construction contractors under the Construction Law;
5. Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;	5. Pursuant to Decree No. 112/2009/ND-CP dated 14/12/2009 of the Government on the Management of the investment cost for construction;

6. Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;	6. Pursuant to Decree No. 209/2004/ND-CP dated 16/12/2004 of Government on the management of construction quality ;
7. Căn cứ Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 209/2004/NĐ-CP;	7. Pursuant to Decree No. 49/2008/ND-CP dated 18/4/2008 of the Government on amending and supplementing some articles of Decree No. 209/2004/ND-CP ;
8. Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;	8. Pursuant to Decree No. 12/2009/ND-CP dated 10/02/2009 of the Government on management of investment projects in construction ;
9. Tham khảo Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/05/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;	9. Refer to the Decree No. 48/2010/ND-CP dated 07/05/2010 of the Government on contracts in construction activities ;
10. Tham khảo Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/07/2007 của Bộ xây dựng về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng;	10. Reference Circular No 06/2007/TT- of Construction Ministry dated 25/07/2007 about guiding contracts in construction activities ;
11. Căn cứ Thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31/07/2009 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;	11. Pursuant to Circular No. 27/2009/TT-BXD dated 31/07/2009 of Construction Ministry about guiding some of the contents about making and managing construction quality ;
12. Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/05/2010 của Bộ xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình xây;	12. Pursuant to Circular No. 04/2010/TT-BXD dated 26/05/2010 of Construction Ministry about guiding managing the investment cost for construction of building ;
13. Căn cứ Hồ sơ quan tâm của Bên giao thầu và hồ sơ dự quan tâm Gói thầu thi công và hoàn thiện tầng hầm nhà N01 thuộc dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ và nhà ở Golden-Land Building;	13. Pursuant to the interest profile of Investor and Package documents for construction and finishing of the basement Building N01 - Trade Center and Housing services at Golden-Land Building ;
14. Căn cứ vào quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu ngày .../.../2011;	14. Pursuant to the results of the decision approving the appointment result for binding on/...../2011;
15. Căn cứ vào biên bản thương thảo Hợp đồng ngày 18 tháng 04 năm 2011;	15. Pursuant to the contract negotiating record 18th/Apr/2011;
16. Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên;	16. Pursuant to needs and capacity of both parties;
17. Và các văn bản liên quan khác;	17. And other related documents;
PHẦN 2 – CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG	PART 2 – ARTICLES AND CONDITIONS OF CONTRACT
<i>Hôm nay, ngày 09 tháng 06 năm 2011 tại Văn Phòng Công ty A, số 183 Bà Triệu – Tp. Hà Nội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:</i>	<i>Today, date 09th June year 2011, at Office of Trading JS Company, 183 Ba Trieu Street – Ha Noi City, we are:</i>
1. Chủ đầu tư : Công ty A	1. Investor: Công ty A
Tên giao dịch : Công ty A	Transaction name: Công ty A
Đại diện (Ông) :	Representative (Mr.):
2. Nhà thầu: Công ty B	2. Contractor: Công ty B

Tên giao dịch: Công ty B	Transaction name: Công ty B
Đại diện (Ông): acp Chức vụ: Tổng giám đốc	Representative (Mr):
Chủ đầu tư và Nhà thầu được gọi riêng là Bên và gọi chung là Các Bên .	Investor and Contractor is individually called Party , commonly called Parties .
Các Bên tại đây thống nhất thoả thuận như sau:	Parties agree to do as following:
ĐIỀU 1. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN	ARTICLE 1. CONTRACT DOCUMENTS AND PRIORITY DOCUMENT
Hồ sơ hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, các điều khoản, điều kiện của hợp đồng.	Contract documents are integral parts of the contract, including the basis for signing contract, the articles and conditions of the contract.
Nguyên tắc những tài liệu cấu thành nên hợp đồng là quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nhưng nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì các bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Trường hợp, các bên không thống nhất được thì	Principles of documents for constituting the contract is the explaining system that have mutual support, if any points are unclear or inconsistent, the parties shall discuss and agree. In case, the parties can not agree, the priority order of documents
1. Thỏa thuận Hợp đồng này;	1. This contract agreement;
2. Hồ sơ trúng chỉ định thầu quan tâm được Chủ đầu tư phê duyệt;	2. Interest appointment winning document was approved by investor;
3. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục tầng hầm, tiêu chí kỹ thuật do Công ty Archipel lập được Chủ đầu tư phê duyệt và theo quy định hiện hành;	3. Design drawings and technical specification for constructing basement that was established by Archipel Company and approved by Investor and according to present regulation;
4. Tiêu chí kỹ thuật theo quy định hiện hành;	4. Technical specification according to present regulation;
5. Hồ sơ mời quan tâm do Chủ đầu tư cung cấp;	5. Bidding invitation documents supplied by Investor ;
6. Biện pháp thi công do Nhà thầu lập được Chủ Đầu tư phê duyệt;	6. Construction methods made by Contractor and approved by Investor ;
7. Tiến độ thi công do Nhà thầu lập được Chủ Đầu tư phê duyệt;	7. Construction progress made by Contractor and approved by Investor (Appendix 01);
8. Biện pháp ATLD và VSMT do Nhà thầu lập được Chủ Đầu tư phê duyệt;	8. Solutions for safety and environment protection made by Contractor and approved by Investor ;
9. Hồ sơ dự quan tâm của nhà thầu;	9. Bidding documents of Contractor;
10. Bảng đơn giá chi tiết;	10. Bill of Quantity (Appendix 02);
11. Hợp đồng, hồ sơ và văn bản sử dụng tiếng Việt làm căn cứ pháp lý.	11. Contract, documents and letters by Vietnamese language are priority.
12. Các tài liệu khác (các tài liệu – Phụ lục bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp đồng).	12. Other documents (Documents – Supplement appendix during contract implementation).
ĐIỀU 2. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI	ARTICLE 2. DEFINITIONS AND INTERPRETATION

Các từ và cụm từ (được định nghĩa và diễn giải) sẽ có ý nghĩa như diễn giải sau đây và được áp dụng cho Hợp đồng này trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi diễn đạt từ một ý nghĩa khác:	The words and phrases (as defined and interpreted) will mean the following interpretation and are applied to this Contract unless the context requires to express in a different meaning :
2.1. "Chủ đầu tư" là Công ty A như đã nói đến trong phần các bên tham gia hợp đồng và những người có quyền kế thừa hợp pháp của Chủ đầu tư mà không phải là bất kỳ đối tượng nào do người đó uỷ quyền.	2.1. "Investor" means Viet Hung Trading JS Company as mentioned in the parties participating into the contract and those who have inherited the legal rights of investor that are not subject to any person authorized by that person .
2.2. "Nhà thầu" là Công ty B như được nêu ở phần các bên tham gia hợp đồng và những người kế thừa hợp pháp của Nhà thầu mà không phải là bất kỳ đối tượng nào do người đó uỷ quyền.	2.2. "Contractor" means B . as mentioned in the parties participating into the contract and those who have inherited the legal rights of contractor that are not subject to any person authorized by t
2.3. "Đại diện Chủ đầu tư" là ông Nguyễn Văn A – chức vụ: Tổng giám đốc, điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.	2.3. "Representative of Investor" means Mr. Do Huu Hau- Position – General Director, managing works in stead of Investor .
2.4. Tư vấn giám sát là người do Chủ đầu tư thuê để thực hiện việc giám sát thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình (Công ty CP TV Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định XD CONINCO).	2.4. Supervision consultants are hired by investor to carry out supervision of construction works, construction items (CONINCO Equipment and Construction Inspection ,TV Technology JSC).
2.5. Tư vấn thiết kế là Công ty CP Archipel do Chủ đầu tư thuê để thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.	2.5. Design consultant is Archipel Corporation that is hired by the investor to perform construction design .
2.6. Dự án là N01;	2.6. Project is N01;
2.7. Công trình là nhà N01 thuộc Dự án.	2.7. Works means is N01 building of Project.
2.8. Đại diện Tư vấn giám sát là người được Tư vấn giám sát chỉ định làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do tư vấn giao và chịu trách nhiệm trước Tư vấn giám sát.	2.8. Representative of Supervision consultants are those who are appointed to be representative to implement job assigned by consultants and be responsible for Supervision consultants .
2.9. "Đại diện Nhà thầu" sẽ được Nhà thầu chỉ định và trình duyệt sau khi Hợp đồng này được ký kết.	2.9. "Representative of Contractor" shall be appointed and submitted for Investor's approval after signing contract.
2.10. "Nhà thầu phụ" là bất kỳ Tổ chức hay cá nhân nào có đủ năng lực, pháp lý ký hợp đồng với Nhà thầu để trực tiếp thi công xây dựng một phần công trình trên công trường sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận và những người kế thừa hợp pháp.	2.10. "Sub-Contractor" is any organization or individual with sufficient legalcapacity, to sign contract with the contractor to directly construct a portion ofworks on site after it is approved by The investor and legally inherited people.
2.11. "Hợp đồng" là phần căn cứ ký kết hợp đồng, các bên tham gia hợp đồng, những Điều kiện này và các tài liệu khác (tại Điều 1[Hồ sơ hợp đồng]).	2.11. "Contract" is basic for signing contract, parties participating into contract, those conditions and other documents (at Article 1[contract documenst]).
2.12. Chỉ dẫn kỹ thuật (thuyết minh kỹ thuật) là các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định cho dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ và nhà ở Golden-Land Building và bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung cho các chỉ tiêu, tiêu chuẩn kỹ thuật đó.	2.12. Technical guidelines (technical statements) are norms, technical standards, regulated for project of Trading Center and Housing services Golden-Land Building and any amendment or supplement for those norms, technical standards.

2.13. Bản vẽ thiết kế là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ và nhà ở Golden-Land Building do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu.	2.13. Design drawings are all drawing, calculation table and similar technical information of project of Trading Center and Housing services Golden-Land Building provided to Contractor by Investor.
2.14. Bảng tiên lượng là bảng kê chi tiết đã định giá và hoàn chỉnh về khối lượng các hạng mục công việc cấu thành một phần nội dung của Hồ sơ dự quan tâm.	2.14. The table is anticipated to have a detailed list of prices and volumes complete the work items constituting part of the contents of the dossier of concern bidding.
2.15. Đơn dự quan tâm là đề xuất có ghi giá dự quan tâm để thi công, hoàn thiện công trình và sửa chữa mọi sai sót trong công trình theo đúng các điều khoản qui định của hợp đồng do Nhà thầu đưa ra đã được Chủ đầu tư chấp thuận.	2.15. Bidding concern documents is proposal with price for construction , finishing work and repair all defects in works following regulated items of contract that Contractor is accepted by Investor.
2.16. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.	2.16. Party is Investor or Contractor depending on each expression situation.
2.17. "Biên bản nghiệm thu" là biên bản được phát hành theo Điều 12 [Nghiệm thu bàn giao]	2.17. "Checking and transferring minutues" is one to be issued according to article 12 ([Checking and transferring}]).
2.18. "Thiết bị Nhà thầu" là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các thứ khác yêu cầu phải có để nhà thầu thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào. Tuy nhiên, thiết bị của Nhà thầu không bao gồm các công trình tạm, t	2.18. "Contractor equipments" are the entire equipments, facilities, vehicles and other items required for construction contractors, completed the project and correct any errors. However, the Contractor's equipment does not include temporary works an
2.19. "Hạng mục công trình" là một phần của công trình được nêu trong hợp đồng.	2.19. "Works items" are parts of works mentioned in the contract.
2.20. Công trình tạm" là tất cả các công trình phục vụ thi công công trình chính.	2.20. Temporary work" that all construction works for major projects.
2.21. "Bất khả kháng" được định nghĩa tại Điều 17 [Bất khả kháng].	2.21. "Force majeure" is defined in Aticle 17 [For majeure].
2.22. "Luật" là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.	2.22. "Law" is the entire legal system of the Socialist Republic of Vietnam and related guidance documents.
2.23. "Công trường" là địa điểm Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu để thi công công trình cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được qui định trong hợp đồng.	2.23. "Site" are places that Investor allocated to contractor for construction works as well as any other place stipulated in the contract.
2.24. "Thay đổi" là sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, Chỉ dẫn kỹ thuật, Bản vẽ thiết kế, Giá hợp đồng hoặc Tiến độ thi công khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.	2.24. "Variation" is change (adjustment) of working scope, technical guidelines, design drawing, contract price or construcion progress when accepted by documents of Investor.
2.25. "Ban quản lý dự án" Bao gồm các cá nhân có văn bằng, chứng chỉ, chức năng quản lý dự án được thay mặt Chủ đầu tư điều hành công việc ngoài công trường.	2.25. "Project Management unit" Including individuals with diplomas, certificates and project management functions on behalf of the investor foe operating in the work school jobs.
ĐIỀU 3. CÁC QUI ĐỊNH CHUNG	ARTICLE 3. GENERAL REGULATIONS
3.1. Luật và ngôn ngữ	3.1. Law and language

Hợp đồng chịu sự điều tiết của hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.	Contract is subject to the regulation of the legal system of the Socialist Republic of Vietnam and concerned guidance documents.
Ngôn ngữ giao dịch là tiếng Việt và Tiếng Anh.	Communication language is Vietnamese and English.
3.2. Nhượng lại	3.2. Surrender
Không bên nào được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng hoặc bất cứ phần lợi ích hoặc quyền lợi trong hoặc theo Hợp đồng. Tuy nhiên, các bên có thể dùng làm bảo lãnh đối với một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.	Neither party shall assign all or part of the contract or any benefit or interest in or under the Contract. However, the parties may be used as guarantee for a bank or financial institution.
3.3. Việc bảo quản và cung cấp tài liệu	3.3. Document retention and supply
Tài liệu của Nhà thầu phải được Nhà thầu cất giữ cẩn thận, trừ khi và cho tới khi được Chủ đầu tư tiếp nhận. Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư 06 bản sao mỗi bộ tài liệu của Nhà thầu.	Contractor's documents must be stored carefully by Contractor, unless and until the Investor receives. The Contractor shall provide Investor copies 6 sets of each document of Contractor.
Nhà thầu phải giữ trên công trường một bản sao Hợp đồng và các tài liệu của hợp đồng theo Điều 1 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].	The Contractor shall keep on site a copy of the contract and the contract documents under Article 1 [contract profile and priorities].
Nếu một Bên phát hiện thấy lỗi hoặc sai sót về mặt kỹ thuật trong một tài liệu đã chuẩn bị để dùng thi công công trình, thì Bên đó phải thông báo ngay cho Bên kia biết những lỗi hoặc sai sót này.	If a Party found errors or technical errors in a document prepared for construction use, it shall immediately notify the other Party about errors or those mistakes.
3.4. Việc bảo mật	3.4. Security
Ngoại trừ trường hợp cần thiết để thực hiện theo nghĩa vụ hoặc tuân theo các qui định của pháp luật, cả hai bên đều phải xem các chi tiết của Hợp đồng là bí mật và của riêng mình. Nhà thầu không được xuất bản, cho phép xuất bản hay để lộ bất kỳ chi tiết n	Except where necessary to comply with obligations or comply with the provisions of law, both parties need to see the details of a contract is confidential and of their own. Contractor may not publish, or allow published to reveal any details of the work o
3.5. Chủ đầu tư sử dụng tài liệu của Nhà thầu	3.5. Investor uses documents of Contractor
Chủ đầu tư được phép sử dụng, chỉnh sửa trong phạm vi cho phép các tài liệu liên quan đến hợp đồng này mà không phải trả bất kỳ một khoản phí nào.	Investors are allowed to use, edit the permitted extent for documents related to this contract without paying any fee.
3.6. Việc Nhà thầu sử dụng tài liệu của Chủ đầu tư	3.6. Contractor uses documents of Investor
Giữa các bên, Chủ đầu tư giữ bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác về Hồ sơ mời quan tâm và các tài liệu khác của Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư. Nhà thầu có thể, bằng chi phí của mình, sao chụp, sử dụng và nhận thông tin về những tài liệu n	Between the parties, the investors hold the copyright and other intellectual property rights concerns about the documents and other documents of the Investor or the Investor's representative. Contractor may, by their costs, copyg, use and receive informat
3.7. Tuân thủ pháp luật	3.7. Law compliance
Nhà thầu, khi thực hiện Hợp đồng, phải tuân thủ pháp luật hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Các bên phải:	Contractor, when performing the contract, must comply with current legislation of the Socialist Republic of Vietnam. The parties must:
– Chủ đầu tư phải đảm bảo điều kiện khởi công công trình theo qui định của pháp luật;	– Investors must ensure the good conditions for starting a project under the provisions of law;

– Nhà thầu phải thông báo, nộp tất cả các loại thuế, lệ phí, phí và có tất cả giấy phép và phê chuẩn, theo qui định của pháp luật liên quan đến thi công xây dựng, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót; Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt	– The Contractor shall notify and pay all taxes, fees, charges and have all permits and approval, as prescribed by law relating to construction, completion and correction work errors, the Contractor shall indemnify and suffered losses to the investor for
3.8. Đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm	3.8. Co- responsibility and multi- responsibility
Nhà thầu không được thay đổi cơ cấu hoặc tư cách pháp lý của mình nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư.	Contractor may not change the structure or its legal status without the consent of Investor.
ĐIỀU 4. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ PHẠM VI CÔNG VIỆC	ARTICLE 4. QUANTITY, QUALITY , TECHINIAL REQUIREMENT AND WORKING SCOPE
4.1. Khối lượng:	4.1. Quantity:
Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục hầm tòa nhà N01 do Công ty Archipel lập và hồ sơ thiết kế biện pháp thi công chi tiết của nhà thầu lập đã được Tư vấn thiết kế và Chủ đầu tư phê duyệt.	According to documents of design drawings for Building N01 that established by Archipel Company and design documenst for detailed construction methods that have been set up by Contractor that was approved by design consultant and Investor.
4.2. Chất lượng:	4.2. Quality:
– Nhà thầu thi công và tổ chức nghiệm thu đúng theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hạng mục tầng hầm nhà N01 do Công ty Archipel lập và theo hồ sơ thiết kế biện pháp thi công chi tiết, biện pháp an toàn lao động đã được Chủ Đầu tư phê duyệt, bảo đảm	– Contractor construct and check in accordance with design documents of design drawings for Item of Basement of Building N01 made by Archipel Company and following design documents of detailing construction methods, labor safety measures that hav
– Khi xảy ra sự cố do Nhà thầu gây ra: Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm về tiến độ và chi phí khắc phục hậu quả.	– When incidents caused by the Contractor: The contractor is solely responsible for the progress and costs to overcome the consequences.
– Vi phạm chất lượng công trình: Nhà thầu phải làm lại phần công việc đó bằng kinh phí của mình (việc sửa chữa công việc này tối đa không quá số ngày thi công hạng mục được phê duyệt trong tiến độ chi tiết).	– Contract breach about construction quality: Contractor should re-make the job with their own funding (period of repairing shall not exceed time that are approved in detail schedule).
– Những thiệt hại này là những thiệt hại do Nhà thầu phải đền bù vì lỗi đã gây ra. Những thiệt hại này không làm giảm nhẹ đi cho Nhà thầu nghĩa vụ hoàn thành công trình hoặc bất cứ trách nhiệm, nhiệm vụ nào theo như trong Hợp đồng.	– The damage is the damage done by the Contractor is compensated for errors caused. The damage does not relieve the contractor to complete work obligations or any liability, according to which tasks in the contract.
4.3. Yêu cầu kỹ thuật:	4.3. Technical requirement:
4.3.1 Vật tư sử dụng:	4.3.1 Used material:
Vật tư sử dụng để thi công xây dựng công trình phải tuân thủ theo các quy định chung về quản lý chất lượng.	Materials used for construction projects must comply with general regulations on quality management.

<ul style="list-style-type: none"> - Các loại vật tư đưa vào công trình phải có chứng chỉ của nhà sản xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được duyệt, đồng thời phải đảm bảo đúng chủng loại theo yêu cầu của Chủ đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> - The materials included in the project must be certified by the manufacturer, meet the technical standards as required by the design documents drawings have been approved, and must ensure the right type in investor's request
<ul style="list-style-type: none"> - Nhà cung cấp và sản xuất vật tư bê tông, cốt thép, vật liệu chống thấm và các vật tư khác trước khi đưa vào sử dụng phải được Chủ đầu tư chấp nhận. - Ván khuôn đưa vào sử dụng phải là ván khuôn mặt phẳng và được Chủ đầu tư chấp thuận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Supplier and manufacturer of concrete materials, reinforced, waterproof material and other materials should be accepted by Investor before they are used - Formwork is put to use to smooth face of board and accepted by investor .
<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu thép, mẫu bê tông và các mẫu vật liệu khác phải được thí nghiệm tại những phòng thí nghiệm có Chứng nhận hợp chuẩn, có uy tín do Chủ đầu tư chỉ định. Quá trình thí nghiệm phải được xác nhận của Tư vấn giám sát hoặc Chủ đầu tư. Chi phí thí nghiệm 	<ul style="list-style-type: none"> - Form of steel, concrete forms and other material samples to be tested in the laboratory with the standard certification, a prestigious appointment by the investor. Testing process must be certified by the supervising consultant or investor. Mater
<ul style="list-style-type: none"> - Tiến độ duyệt vật tư: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Nhà thầu trình danh mục, xuất xứ, tính năng của các vật tư, trang thiết bị đưa vào sử dụng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Progress for approving materials: within 03 working days after the contractor submitted the list, origin and functions of such materials and equipment brought into use;
<ul style="list-style-type: none"> - Những vật tư, vật liệu sử dụng cho dự án trong công trường không đạt yêu cầu về quản lý chất lượng, không được bảo quản đúng quy cách và quy định của nhà sản xuất buộc phải di chuyển ra khỏi công trường ngay hoặc ngay khi Chủ Đầu tư yêu cầu; hoặc 	<ul style="list-style-type: none"> - The supplies and materials used in construction projects do not meet requirements for quality management, are not preserved properly, and regulation of manufacture, are forced to move out of work side immediately or when requested by Investor
<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải thực hiện việc đổi trả này khi có yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư. Nếu nhà thầu không nghiêm túc thực hiện thì Chủ đầu tư; Tư vấn giám sát có thể từ chối nghiệm thu các hạng mục, công việc tiếp theo. 	<ul style="list-style-type: none"> - The contractor must perform the changes after the written request of the investor. If the contractor fails to perform the serious investor, consultant supervisor can refuse to accept items of further work
<p>4.3.2 Biện pháp thi công:</p>	<p>4.3.2 Construction method:</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu nhà thầu phải trình biện pháp thi công tổng thể cho toàn bộ phần việc của hợp đồng, biện pháp thi công chi tiết cho từng phần việc để trình Chủ đầu tư, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát, thẩm tra phê duyệt. - Yêu cầu biện pháp thi công của nhà thầu phải đảm bảo yêu cầu tiến độ, chất lượng, an toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Requires contractors to submit construction measures for the entire part of the contract, construction methods and details for the work to submit to Investor, Design Consultant, Supervision Consulting, approval verification . - Request Construction methods of contractor should ensure schedule requirements, quality, safety.
<p>4.3.3 Các tiêu chuẩn áp dụng:</p>	<p>4.3.3 Applicable standard:</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Tuân theo hồ sơ mời quan tâm của Chủ đầu tư phát hành. - Tuân theo TCVN và các tiêu chuẩn hiện hành khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Follow bidding invitation documents of Investor issued . - Follow Vietnamese standards and other current standards.
<p>4.4. Phạm vi công việc:</p>	<p>4.4. Work scope:</p>

– Thiết lập các qui trình, các hệ thống quản lý, báo cáo đầy đủ nhằm kiểm soát chất lượng và tiến độ của Công việc một cách chặt chẽ và cung cấp cho Chủ đầu tư đầy đủ các thông tin để có thể đánh giá tiến độ thực tế của Công việc một cách độc lập.	– Establish processes, management systems, report fully to control quality and progress of works rigorously and give investors sufficient information to assess actual progress of work independently.
– Thi công xây dựng tất cả các công trình tạm và duy trì tất cả các hạng mục đó một cách an toàn và hiệu quả cho việc thực hiện Công việc cho đến khi chúng được đưa ra khỏi công trường hoặc hoàn trả theo yêu cầu của hợp đồng.	– The construction of all temporary works and maintenance of all such items are safely and effectively for the implementation of works until they are removed from the site or return as required by contract.
– Tuyển dụng, đào tạo, tổ chức, quản lý và giám sát Nhà thầu phụ và lao động trên công trường phục vụ cho Công việc , đảm bảo rằng họ được chỉ dẫn về phương pháp làm việc thích hợp và an toàn lao động.	– Recruit, train, organize, manage and supervise subcontractors and Labor on site for service works , ensuring that they are instructed on appropriate methods of work and occupational safety.
– Cung cấp, quản lý và qui định việc đi lại trong khu vực công trường; việc đến và đi từ công trường một cách an toàn và có trật tự đối với Nhân lực của Nhà thầu bao gồm: lao động tại hiện trường, nhân viên quản lý và giám sát, nhân viên quản lý cô	– Provide, manage, and regulation moving in the work side, the coming and going from work side safely and orderly for the Contractor Manpower including workers, supervisors and work side managers, personnel of suppliers, subcontractors.
– Thu xếp các thủ tục hải quan bao gồm cả việc thu xếp các loại bảo đảm, lưu kho, vận chuyển trong lãnh thổ Việt Nam đối với tất cả vật tư, thiết bị, hàng hoá nhập khẩu nào phục vụ cho thi công xây dựng công trình.	– Arrange customs clearance, including the types of security arrangements, storage and transportation in the territory of Vietnam, for all materials, equipment, goods imported for any construction.
– Phối hợp với các Nhà thầu phụ, nhà cung cấp do Nhà thầu thuê có liên quan đến Công việc và với các Nhà bản quyền công nghệ nhằm đảm bảo rằng tất cả các vật tư thiết bị sử dụng vào công trình đúng theo qui định của hợp đồng.	– Coordinate with subcontractors, suppliers, contractors hired by the related work with the copyright and technology to ensure that all materials and equipment used in construction according to legal contract.
– Cung cấp tất cả các thiết bị và dịch vụ khác cần thiết để đạt được nghiệm thu bàn giao công trình theo hợp đồng.	– Provide all other equipment and services necessary to achieve the acceptance of delivery of works as contract.
– Luôn luôn thực hiện Công việc một cách an toàn.	– Always implement works safely.
– Bất kỳ hoạt động nào không được nêu rõ tại Điều này nhưng có thể suy diễn từ hợp đồng là cần thiết để hoàn thành Công việc thì Nhà thầu sẽ thực hiện và chi phí cho công việc đó được coi như là đã tính trong giá hợp đồng, trừ khi có qui định khác	– Any activity not specified in this article but can be inferred from the contract is necessary to complete the work, the contractor will perform and the cost for that work has been considered as included in the price contract, unless otherwise st
ĐIỀU 5. GIÁ HỢP ĐỒNG, HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN	ARTICLE 5. CONTRACT AMOUNT, CONTRACT TYPE, ADVANCE PAYMENT AND PAYMENT
5.1. Giá hợp đồng:	5.1. Contract Amount:
Giá trị hợp đồng tạm tính: 344.535.840.000 đồng , đã bao gồm thuế VAT 10%.	Estimated Contract Amount: 344,535,840,000 VN Dong , including 10% VAT.
<i>(Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi bốn tỷ, năm trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)</i>	<i>(In words: Three hundred and forty four billion, five hundred and thirty five million, eight hundred and forty thousand Vietnam Dong only)</i>

Được quy định chi tiết tại phụ lục giá hợp đồng chi tiết kèm theo.	Regulated in details in appendix of contract price enclosed.
Hình thức thanh toán được thực hiện qua chuyển khoản.	Payment mode is transferred through bank.
Giá hợp đồng nêu trên đã bao gồm:	Contract price aboved included:
Toàn bộ chi phí cần thiết liên quan để thực hiện, hoàn thành và bàn giao cho Chủ đầu tư các công việc được quy định trong bảng phạm vi công việc của Hợp đồng ở Điều 4 , bao gồm các khoản chi phí sau:	All necessary expenses related to implementation, completed and handed over to the investor of the work, that is defined in scope of work for contract in Article 4 , which includes following expenses :
Chi phí vật tư, nhân công, máy thi công, chi phí biện pháp thi công của nhà thầu, chi phí di chuyển lực lượng lao động trong nội bộ công trường, an toàn lao động, chi phí di chuyển máy móc thiết bị, an toàn lao động, bảo vệ môi trường cho người lao động v	Cost of materials, labor, construction machines, the cost of construction methods contractor, moving costs of labor force within work side, workplace safety, relocation expenses machinery, occupational safety, environmental protection for workers and surr
5.2. Hình thức hợp đồng :	5.2. Contract type :
Hợp đồng theo đơn giá cố định (không thay đổi đơn giá trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng).	Contract following Fixed Unit Price (not change price unit during performance of contract).
5.3. Tạm ứng	5.3. Advance payment
5.3.1. Tài liệu tạm ứng	5.3.1. Advance payment document
Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu một khoản tạm ứng, khoản tạm ứng này sẽ không phải chịu lãi suất để Nhà thầu huy động nguồn lực và thực hiện công việc với số tiền tương đương 10% giá trị hợp đồng trong vòng 10 ngày làm việc sau khi Hợp đồng ký kết và C	Investors will advance to the Contractor an advance payment, advance accounts that will not bear interest for the contractor to mobilize resources and carry out the work in the amount equivalent to 10% of contract value within 10 working days after contra
– Văn bản đề nghị tạm ứng của Nhà thầu.	– Request for advance payment.
– Bảo đảm thực hiện hợp đồng.	– Performance Bond.
– Bảng tiến độ và biện pháp thi công chi tiết do Chủ đầu tư phê duyệt.	– Detailed construction schedule and detailed method statement.
– Bảo lãnh tạm ứng có giá trị tương đương với giá trị tạm ứng, do Ngân hàng hoặc một công ty bảo lãnh bảo hiểm có uy tín hợp lệ phát hành và có thời hạn đến khi khấu trừ hết tạm ứng. Giá trị bảo lãnh của tạm ứng được giảm dần theo giá trị khấu trừ	– Advance payment bond, and value of advance payment bond is equivalent to the value of the advance payment issued by a reputable bank or Guarantee insurance company and valid term until fully deducted in advance. The value of the advance guarante
– Danh sách nhân sự tham gia trên công trường.	– List of manpower for this project.
– Hồ sơ năng lực của các nhà thầu cung cấp (hoặc nhà thầu phụ)	– Capacity document of sub-contractor and supplier.
– Hồ sơ pháp lý của máy móc đưa vào sử dụng (hợp đồng mua bán, giấy kiểm định chất lượng còn hạn sử dụng...)	– Certificate of machinery and equipment for using (sub-contract, certificate of inspection...)
5.3.2. Số tiền tạm ứng	5.3.2. Advanced payment Amount
Số tiền tạm ứng này sẽ được Chủ đầu tư khấu trừ ngay ở lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 90% giá hợp đồng, mức khấu trừ là 10% giá trị được nghiệm thu trong kỳ thanh toán.	The amount of advance payment will be deducted from the first payment and subsequent payments and advance payments will be recovered all when progress is 90% of the contract price, the deduction is 10% value acceptance of the payment period.

Trường hợp, tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng theo Điều 11 [Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư], Điều 14 [Tạm ngừng và Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu] hoặc Điều 17 [Bất khả	In case, the advance has not been refunded before signing the acceptance report and the work before terminating the contract under Article 11 [Suspension and termination of the contract by the investor], Article 14 [Suspension and terminate the contract
5.4. Thanh toán	5.4. Payment
5.4.1. Thanh toán khối lượng thực hiện	5.4.1. Payment for implemented volume
Trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị thanh toán đầy đủ và hợp lệ theo quy định, Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận và thanh toán cho Nhà thầu. Chủ đầu tư có quyền tạm giữ lại phần khối lượng thực hiện nào mà Nhà thầu chưa c	Within 14 working days after receipt of application for full and valid payment under the regulations, the investor is responsible for checking, certifying and payments to contractors. Investors have the right to temporarily keep the volume of performance
Giá trị thanh toán bằng giá trị khối lượng thực hiện tại công trường đã được nghiệm thu trên cơ sở hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và biện pháp thi công đã được Chủ đầu tư duyệt, các văn bản xử lý hiện trường, các văn bản phát sinh theo thiết kế đã được Ch	Value of the payment amount is equal to value of implemented volume made at the site that had been checked on the basis of design documents drawings and construction methods with the investor approval, the document for handling side, documents arised acc
– Khoản tiền tạm ứng hợp đồng theo nguyên tắc nêu tại điều 5.3.2.	– The amount of advance payment as agreement on the principles set out in Article 5.3.2.;
– Khoản tiền giữ lại 10% giá trị thanh toán được xác nhận cho đến kỳ thanh toán tiếp theo, mà lũy kế tiền giữ lại không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.	– Amount retained 10% of the payment is confirmed until the next payment period, the accumulated retained funds does not exceed 5% of the total contract value
– Giá trị các tiện ích do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu để thi công (nếu có);	– Utility value that the investor provided for the construction contractor to (if any);
– Các khoản khấu trừ khác (nếu có).	– Other deductions (if any).
5.4.1.1 Hồ sơ thanh toán	5.4.1.1 Payment document
– Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.	– Application for payment of Contractor.
– Hóa đơn tài chính.	– Red invoice.
– Bảng tính khối lượng chi tiết các hạng mục cần thanh toán theo bản vẽ hoàn công.	– Detail calculating table for items that need payment as finished contraction drawings .
– Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp đồng	– Table for valuation of workload completed under Contract
– Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán.	– Calculating table for value of payment request.
– Biên bản kiểm tra, đánh giá và xác nhận của tư vấn giám sát về hồ sơ nghiệm thu của nhà thầu.	– Inspection records, assessment and certification by the supervision consultant about documents for checking contractor .
– Các biên bản nghiệm thu (nghiệm thu vật liệu đầu vào, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng).	– The test record (the test of input materials, test of building works , test of construction phase).
– Các biên bản khác kèm theo liên quan đến công việc nghiệm thu.	– Other related minutes to checking works .

– Bảng tính giá trị các công việc phát sinh ngoài Hợp đồng theo phụ lục hợp đồng đã được ký kết giữa Chủ đầu tư và nhà thầu.	– Calculation sheet for value of arising works out of contract by contract appendix that was signed between the Investor and Contractor
– Nhật ký thi công.	– Construction diary.
5.4.1.2 Thời hạn thanh toán	5.4.1.2 Payment term
– Tiến độ trình hồ sơ thanh toán sẽ được thực hiện mỗi 45 ngày	– Progress payment shall be submitted every 45 days.
– Thời hạn kiểm tra, xác nhận hồ sơ và thanh toán của Chủ đầu tư trong vòng 14 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán. Trong trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán quá thời hạn trên số tiền trả chậm, tính theo lãi suất cho vay của N	– Time for checking, certifying and Payment of Owner within 14 working days after the investor received sufficiently payment documents. In the event that the Investor delays payment according to the provisions, the investor shall incur interest on
5.4.1.3 Loại tiền dùng để thanh toán	5.4.1.3 Currency kind for payment
Giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VND).	Payment currency of contract will be Vietnam Dong.
5.4.2. Quyết toán giá trị hoàn thành	5.4.2. Final settlement for completed value
Chậm nhất là sau 30 ngày làm việc, Chủ đầu tư nhận được hồ sơ quyết toán đầy đủ và đạt yêu cầu. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận giá trị quyết toán cho Nhà thầu.	The latest of 30 working days, the investor receives the full settlement records and meet the requirements. The investor is responsible for inspecting and certifying the value of settlement for Contractors.
5.4.2.1 Hồ sơ quyết toán	5.4.2.1 Final settlement documents
Hồ sơ đề nghị quyết toán bao gồm các tài liệu sau:	Final settlement documents include:
– Văn bản đề nghị quyết toán của nhà thầu.	– Written request for final settlement of the contractor.
– Hồ sơ pháp lý liên quan đến gói thầu.	– Legal documents relating to package .
– Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình vào sử dụng và các căn cứ kèm theo.	– Checking and transferring Documents for completed works on use and attached evidences .
– Hồ sơ hoàn công đã được các bên xác nhận.	– Completed construction documents certified by parties.
– Hồ sơ nghiệm thu khối lượng hoàn thành được Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư xác nhận (kể cả khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng, nếu có).	– Checking and transferring Documents for completed works was monitored and certified by supervision Consultants and Investor certification (including the volume of work arising out of contract, if any)
– Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng và các căn cứ đính kèm (Gồm các văn bản phát sinh, xử lý kỹ thuật được Chủ đầu tư và người được ủy quyền của Chủ đầu tư ký).	– Table of value for final settlement of contract agreement and the attached evidences. (including documents arised, handling techniques signed by investor or investor's authorized person).
– Các tài liệu khác có liên quan.	– Other related documents.
– Biên bản thanh lý hợp đồng.	– Minutes for contract disposal.
5.4.2.2 Thời hạn quyết toán	5.4.2.2 Time for final settlement
Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi Chủ đầu tư có văn bản chấp thuận hồ sơ quyết toán.	Within 10 working days after Investor has written approval for final settlement documents.
5.4.2.2 Giá trị quyết toán	5.4.2.2 Value of final settlement

Chủ Đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 95% giá trị quyết toán và đối trừ các khoản đã thanh toán tại khoản 5.4.1 và các khoản khấu trừ khác (nếu có).	Investor will pay Contractor 95% of the value and excluding the settlement payments in clause 5.4.1 and other deductions (if any).
5% giá trị quyết toán để bảo hành hạng mục công trình sẽ được Chủ Đầu tư thanh toán như sau:	5% of the settlement for warranty work items will be paid by Investor as below:
Thanh toán 3% giá trị quyết toán trong vòng 15 ngày làm việc khi Nhà thầu nộp chứng thư bảo lãnh bảo hành (tương đương 3% giá trị quyết toán) theo nội dung bảo lãnh được Chủ Đầu tư chấp thuận và phù hợp các quy định tại điều 9 (trách nhiệm bảo hành) của h	- 3% of the value estimated final settlement within 15 working days after the contractor submit the warranty bond (equivalent to 3% of settlement) according to guaranteeing content by Investor and approved by appropriate regulations in Article 9 of the
- Thanh toán 2% giá trị quyết toán trong vòng 15 ngày làm việc sau khi Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ bảo hành và được Chủ Đầu tư xác nhận Nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ bảo hành. Chủ đầu tư phải có trách nhiệm gửi cho nhà thầu chứng thư bảo lãnh 2% gi	- Payment of 2% of the final settlement within 15 working days after the contractor completed the warranty obligations and Investor shall issue certificate of completion for warranty obligations. Investor shall issue Bank payment guarantee to contractor f
ĐIỀU 6. THAY ĐỔI, ĐIỀU CHỈNH GIÁ HỢP ĐỒNG	ARTICLE 6. CHANGE, ADJUST PRICE OF CONTRACT
6.1. Giá hợp đồng có thể được điều chỉnh trong các trường hợp sau:	6.1. Price of contract can be adjusted in following cases:
6.1.1. Do Chủ đầu tư bổ sung công việc ngoài phạm vi quy định trong hợp đồng đã ký kết (không bao gồm công việc trong biện pháp thi công của Nhà thầu và trong mọi trường hợp thay đổi do nhà thầu đề xuất nằm ngoài đề xuất của hồ sơ dự thầu sẽ không được xe	6.1.1. Additional work by Investor and not including in the scope of contract (not including the work in the construction method of the Contractor and Contractor propose works without scope of tender document of contractor).
6.1.2. Chủ đầu tư thay đổi khối lượng công việc so với khối lượng quy định trong phụ lục Hợp đồng (không bao gồm phát sinh khối lượng trong biện pháp thi công của Nhà thầu).	6.1.2. Workload changes by Investor over the volumes specified in the appendix to the contract (not including the volumes in the construction method of the Contractor).
6.1.3 Thay đổi thiết kế hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật.	6.1.3. Changing of design or technical specification.
6.1.4. Do các trường hợp bất khả kháng qui định trong hợp đồng.	6.1.4. Due to force majeure regulated in the contract.
6.2. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng	6.2. Method for adjusting price of contract
6.2.1. Đối với trường hợp mục 6.1.1 thì phần giá trị bổ sung sẽ được tính như sau: + Công việc có trong Phụ lục hợp đồng, được tính theo đơn giá trong Hợp đồng.	6.2.1. For item Section 6.1.1 , the additional value will be calculated as follows: + Work is in the appendix, are calculated based on prices in the Contract .
+ Công việc không có trong Phụ lục hợp đồng, được lập dự toán tại thời điểm ký Hợp đồng hoặc do 2 bên thương lượng.	+ The work is not in the appendix, be estimated at the time of signing contract or 2 parties will negotiate about unit price.
6.2.2. Đối với trường hợp mục 6.1.2 (khối lượng phát sinh tăng hoặc giảm so với khối lượng công tác tương ứng mà Nhà thầu phải thực hiện theo Hợp đồng) thì giá Hợp đồng được điều chỉnh theo khối lượng thực hiện thực tế được các bên thống nhất nghiệm thu.	6.2.2. For the case of item 6.1.2 (arising volume increase or decrease compared with the corresponding volume of work that contractors must comply with the contract) the contract price shall be adjusted according to actual volume that are agreed to test
6.2.3. Trường hợp bất khả kháng thực hiện theo Điều 17 [Bất khả kháng].	6.2.3. In case of force majeure, follow article 17 [Force majeure].

6.3. Quyền được thay đổi của Chủ đầu tư và Nhà thầu	6.3. Right of change of Investor and Contractor
Việc thay đổi có thể được Chủ đầu tư (hoặc Tư vấn giám sát) triển khai vào bất cứ lúc nào trước khi cấp Biên bản nghiệm thu công trình bằng việc yêu cầu thay đổi hoặc do Nhà thầu trình đề xuất.	The change may be deployed by the Investor (or supervising consultant) at any time before issuing an acceptance record of works by requiring changes or proposals submitted by the Contractor .
Nhà thầu chỉ được phép tiến hành thay đổi hoặc sửa chữa các công việc khi có sự chấp thuận của Chủ đầu tư (hoặc Tư vấn giám sát).	Contractors are only allowed to make changes or repair work upon the consent of the investor (or supervision consultant).
Mọi sửa đổi này không có giá trị làm giảm hoặc vô hiệu hoá hiệu lực hợp đồng.	All this amendment does not reduce the value or disable the effect of.
Trường hợp, Nhà thầu không thực hiện được bất kỳ thay đổi nào theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư (hoặc Tư vấn giám sát) và nêu rõ lý do.	Where the contractor fails to perform any changes required by the Investor, the Contractor shall immediately notify the Investor (or supervision consultant) and show the reasons clearly.
– Nhà thầu không thể có được những phương tiện cần thiết theo yêu cầu cho việc thay đổi.	– Contractor can not obtain the necessary equipment required for the change.
– Việc đó sẽ làm giảm sự an toàn hoặc ổn định của công trình hoặc.	– That would reduce the safety or stability of the work or.
– Việc đó sẽ ảnh hưởng không tốt đến việc đạt được các bảo lãnh thực hiện. Khi nhận được thông báo này Chủ đầu tư (hoặc Tư vấn giám sát) sẽ xem xét quyết định hoặc thay đổi hướng dẫn.	– It is not possible to affect the achievement of the performance guarantee. Upon receiving this notice Investor (or supervison consultant) will review the decision or change guide .
ĐIỀU 7. TIẾN ĐỘ THI CÔNG	ARTICLE 7. CONSTRUCTION PROGRESS
7.1. Tiến độ thi công	7.1. Construction progress
– Ngày khởi công của gói thầu được tính từ ngày Nhà thầu nhận được tiền tạm ứng nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.	– Commencement date: calculated from date of receiving advance payment from Investor, but not exceed 10 days from signing the contract.
– Tiến độ thi công cố định là 11 tháng kể từ ngày khởi công. Tiến độ này đã bao gồm các ngày nghỉ lễ và các ngày lễ khác trong năm.	– Fixed progress of construction is 11 months from the commencement date. This progress includes holidays and other holidays of the year.
– Tiến độ thi công và hoàn thiện khối hầm móng của đơn nguyên B là 10 tháng kể từ ngày khởi công.	– Progress of construction and finishing basement foundation blocks of units of B is 10 months from the commencement date.
– Bê tông tầng hầm 1 sẽ được hoàn thành trong vòng 02 tháng kể từ ngày khởi công.	– Concrete of the 1st Basement floor should made within 02 months from commencement date.
7.2. Phạt chậm tiến độ và tổng tiến độ thi công	7.2. Penalty for delay of progress or total construction progress
– Nếu Nhà thầu thi công chậm tiến độ so với thời gian ghi trong Hợp đồng (Mục 7.1 điều 7), Nhà thầu phải chịu phạt 0,1% giá trị hợp đồng/1 ngày chậm tiến độ cho đến 10 ngày chậm, Nhà thầu phải chịu phạt 0,3% giá trị hợp đồng/1 ngày chậm tiến độ cho	– If Contractor delay schedule comparison with construction schedule of contract (item 7.1, article 7), the Contractor shall be fined 0.1% of contract value / one day of delay until 10 days of delay, the Contractor shall be fined 0.3% of contract valu
– Ngoài mức phạt do chậm tiến độ, Nhà thầu còn phải bồi thường các khoản chi phí mà Chủ đầu tư phải trả cho Tư vấn giám sát như sau:	– In addition to penalties due to slow progress, the contractor must also compensate for expenses that investors had to pay to supervision Consultant as follows :

Chi phí giám sát bình quân 01 ngày = (Chi phí giám sát trong Hợp đồng tư vấn giám sát/tổng thời gian thực hiện tư vấn giám sát).	Average supervision costs for 01 day = (supervision costs in the contract supervision consultant / total duration of the supervision consultants).
Tiền bồi thường = chi phí giám sát bình quân x số ngày chậm trễ.	Compensation = average supervision cost x number of delayed days .
7.3. Thưởng vượt tổng tiến độ thi công	7.3. Bonus for ahead schedule
Nếu Nhà thầu thi công vượt tiến độ so với tổng tiến độ thi công ghi trong Hợp đồng (Mục 7.1 điều 7), Nhà thầu được thưởng 50.000.000VNĐ/mỗi ngày vượt tiến độ (Năm mươi triệu đồng chẵn).	If Contractor execute ahead schedule comparison with construction schedule of contract (item 7.1, article 7), Contractor shall have bonus with amount 50,000,000 VND/ every day of ahead schedule (Fifty million VN Dong only).
7.4. Tiến độ bàn giao mặt bằng	7.4. Site Hand-Over
– Chủ đầu tư bàn giao, phá di dời nhà máy phần còn lại vào ngày 30/6/ 2011.	– Investor shall remove the factory on date 30th June 2011.
– Chủ đầu tư phải hoàn thành phần cọc khoan nhồi và tường vây còn lại vào ngày 31/8/2011 và bàn giao cho nhà thầu.	– Investor shall complete and hand-over remaining bored pile & diaphragm wall to the contractor on date 31 August 2011.
– Chủ đầu tư bàn giao cho nhà thầu đoạn tường vây từ trục 4 đến trục 10 giao với trục A2 trước ngày 31/7/2011.	– Investor shall hand-over to Contractor segment of diaphragm wall at A2 axis (from 4 axis to 10 axis) before 31 July 2011.
ĐIỀU 8. BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG VÀ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG	ARTICLE 8. ADVANCE PAYMENT GUARANTEE AND GUARANTEE FOR CONTRACT IMPLEMENTATION
8.1 Bảo lãnh tiền tạm ứng:	8.1 Advance payment guarantee:
8.1.1 Nhà thầu phải nộp bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng do Ngân hàng hoặc một công ty bảo lãnh bảo hiểm có uy tín tại Việt Nam và Hàn Quốc phát hành (với điều kiện không hủy ngang) tương ứng với số tiền bằng 10% giá trị hợp đồng (tất cả các tổ chức thực h	8.1.1 Contractors must pay the guarantee deposit for the contract by the prestigious Bank or Guarantee insurance company in Vietnam and Korea issued (in term of irrevocable condition) in amounts corresponding to 10% of contract value (all of above organi
8.1.2 Trường hợp thời hạn hiệu lực của bảo lãnh này kết thúc trước khi tiền tạm ứng được khấu trừ hết thì Nhà thầu có nghĩa vụ gia hạn thời hạn bảo lãnh tạm ứng trước khi hết hạn ít nhất 05 ngày hoặc nếu Nhà thầu không thực hiện đúng Các điều khoản của Hợp	8.1.2 Where the validity period of this guarantee before the advance shall be deducted all, contractor is obliged to extend the guarantee period in advance before the expiration of at least 05 days or if the contractor fails to perform correct terms of t
8.2. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:	8.2. Guarantee for contract implementation:
8.2.1 Nhà thầu nộp cho Chủ Đầu tư bảo lãnh bảo đảm thực hiện hợp đồng trong vòng 07 ngày kể từ ngày Ký kết hợp đồng. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 10% giá trị Hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng do Ngân hàng hoặc một công ty bảo lãnh bảo hiểm c	8.2.1 Contractors shall submit guarantees to Investor to ensure performance of the contract within 10 days after signing the contract. Value of the contract performance guarantee is equal to 10% of the contract. Ensure implementation of the contract by th
8.2.2 Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng phải kéo dài cho đến khi thi công xong các công việc của hợp đồng, chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành, thời hạn tối thiểu là 11 tháng kể từ ngày có hiệu lực của Hợp đồng. Nếu việc thi công cò	8.2.2 Time ensuring the effective implementation of the contract shall last until construction is complete the contract work, the performance of warranty obligations, minimum period of 11 months from the effective date of the contract. If the construction

8.2.3 Nhà thầu không được nhận lại số tiền bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng sau khi Hợp đồng có hiệu lực hoặc Nhà thầu vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng dẫn đến Hợp đồng bị ch	8.2.3. Contractors do not receive back the money to secure the contract in case of refusal to carry out part or all of the contract after the contract takes effect or serious violation of contractor about obligations stipulated in the contract that led th
Trong trường hợp Chủ Đầu tư yêu cầu Ngân hàng trả tiền bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc bảo lãnh tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng thì hồ sơ yêu cầu Ngân hàng thanh toán bao gồm:	In the event Investor requests bank for guarantee payment of advance or payment guarantees to ensure contract performance requirements, the bank documents of payment include:
+ Hợp đồng này.	+ This contract.
+ Bảo lãnh của ngân hàng.	+ Guarantee of bank
+ Công văn vi phạm hợp đồng và các chứng cứ chứng minh kèm theo.	+ Official letter for the contract violation and evidence support.
ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CHUNG CỦA NHÀ THẦU	ARTICLE 9. GENERAL RIGHTS AND OBLIGATIONS OF CONTRACTOR
9.1. Trách nhiệm chung của Nhà thầu	9.1. General obligation of contractor
– Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát toàn bộ hiện trạng của công trình kể cả dưới lòng đất, xung quanh, lân cận nhằm phục vụ cho việc thi công trong phạm vi hợp đồng được giao bằng chi phí của Nhà thầu	– The Contractor shall survey the status of the entire project including the underground, around, adjacent to serve the construction within contract by the Contractor's cost
– Bố trí đầy đủ nhân lực, máy móc thiết bị, vật tư để thi công công trình đúng tiến độ, đảm bảo yêu cầu chất lượng kỹ thuật. Cán bộ chỉ huy công trường, cán bộ kỹ thuật thi công phải có đủ trình độ năng lực chuyên môn, kinh nghiệm theo quy định.	– Allocate sufficient manpower, equipment and materials for the construction schedule, ensure quality and technical requirements. Officer for managing work, technical officers for construction must meet professional qualifications and experience presc
– Chịu trách nhiệm về đảm bảo an toàn lao động, mua bảo hiểm cho người và thiết bị của Nhà thầu, an toàn cho bên thứ ba có mặt tại công trình. Chịu mọi trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra tai nạn lao động trong quá trình thực hiện hợp đồng. Toàn bộ	– Responsible for ensuring occupational safety, insurance and equipment for the contractor's safety to a third party present at work. Assume all responsibility in case of occupational accidents occurring during contract performance. The entire constru
– Đảm bảo vệ sinh công trường và môi trường xung quanh, đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ liên quan đến công trình cho Chủ đầu tư khu vực xung quanh trong suốt thời gian thi công công trình. Đảm bảo phải có ít nhất 05 nhà vệ sinh lưu động luôn đư	– Ensure cleaning up the site and surrounding environment, ensure safety of fire-related projects for Investors surrounding areas during construction. Make sure to have at least 05 mobile toilets are always clean and maintained .
– Ký kết các hợp đồng vận chuyển, tưới nước rửa đường và thu gom rác thải sinh hoạt, xây dựng của toàn bộ hoạt động trên công trường. Thực hiện xin đầy đủ các loại giấy phép như khoan giếng ngầm phục vụ thi công, dẫn nguồn điện, nước và hệ thoát nước.	– Signing the contract of transportation, irrigation and street cleaning and waste collection, construction of all activities on site. Perform a full range of application such as well drilling permit for construction of underground, leading power, wat

<ul style="list-style-type: none"> – Chịu trách nhiệm giải quyết các khiếu nại, giải trình, thỏa thuận, làm việc, gặp gỡ các Nhà thầu bao gồm: chính quyền, khu dân cư, hoặc các bên khác do việc thi công xây dựng gây ra (chỉ trừ nhà thầu Long Giang). Mọi chi phí cho việc giải quyết trên 	<ul style="list-style-type: none"> – Responsible for settling complaints, representations, agreements, work, meet other contractors including: government, residentiality, or other parties due to the construction caused .
<ul style="list-style-type: none"> – Giữ gìn an ninh trật tự trong phạm vi công trường và nhà bên cạnh công trường. Đăng ký tạm trú, tạm vắng. Xin các loại giấy phép để phục vụ thi công, có biện pháp chống đỡ các công trình lân cận khi thi công để đảm bảo an toàn, phải lập hàng rào bao 	<ul style="list-style-type: none"> – Maintaining order and security within work side and near areas. Registration of temporary residence, temporary absence. To apply for permits for construction, measures to shore up adjacent works during the construction to ensure safety, to make fence
<ul style="list-style-type: none"> – Thanh toán đầy đủ tiền điện nước thi công theo giá hiện hành và các giá trị tiện ích do Chủ đầu tư cung cấp để Nhà thầu thi công (nếu có) vào ngày đợt thanh toán của tháng. 	<ul style="list-style-type: none"> – Full payment for electricity and water cost of construction in current prices and the advantageous value provided by the investor for the construction Contractor (if any) on the day of the monthly payment phase .
<ul style="list-style-type: none"> – Thi công đúng theo thiết kế, tuân thủ quy trình, quy phạm, quy chuẩn hiện hành, các yêu cầu kỹ thuật của Chủ đầu tư và tiến độ của Hợp đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> – Construct following design, compliance procedures, regulations, current standards, the technical requirements of the Investor and the progress of Contract
<ul style="list-style-type: none"> – Mở nhật ký công trình và phải ghi chép đầy đủ nội dung theo quy định, có xác nhận của Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> – Open diary works and to fully record the content as prescribed, certified by the supervision consultant and investor .
<ul style="list-style-type: none"> – Thông báo ngay cho Chủ đầu tư bằng văn bản khi có những phát sinh trong quá trình thi công do bản vẽ thay đổi hoặc do điều kiện địa chất hoặc môi trường xung quanh ảnh hưởng tới công việc thi công. 	<ul style="list-style-type: none"> – Immediately notify Investor in writing when there are problems arising in the course of construction by drawing or by changes in geological conditions or surroundings affect the construction work .
<ul style="list-style-type: none"> – Lập biện pháp thi công, biện pháp an toàn lao động và vệ sinh môi trường, tiến độ chi tiết để Chủ đầu tư thông qua. Tuân thủ các biện pháp này trong quá trình thi công. Bất kỳ văn bản phê duyệt nào của Chủ đầu tư đều không làm giảm bớt trách nhiệm p 	<ul style="list-style-type: none"> – Established methods of construction, labor safety measures and environment sanitation, detailed progress for approval of Investor . Compliance with these measures during construction. Any written approval of Investor were not relieve liability or
<ul style="list-style-type: none"> – Tuân thủ các quyết định và chỉ dẫn của Tư vấn giám sát. 	<ul style="list-style-type: none"> – Comply the decisions and instructions of the supervision consultant
<ul style="list-style-type: none"> – Chịu trách nhiệm về các biện pháp thi công, an toàn cho người và thiết bị thi công tại công trường của Nhà thầu và đơn vị khác. 	<ul style="list-style-type: none"> – Responsible for the construction methods, and safety for construction equipment at the site of the contractors and other entities .
<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia cùng Chủ đầu tư giải quyết những vướng mắc trong quá trình thi công. 	<ul style="list-style-type: none"> – Join with Investor to solve problems in the construction process .
<ul style="list-style-type: none"> – Hoàn thành đầy đủ hồ sơ nghiệm thu hoàn công công trình theo đúng quy định hiện hành của nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> – Complete the full documents and acceptance of completed works in accordance with current regulations of the state .
<ul style="list-style-type: none"> – Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Chủ đầu tư kiểm tra việc thực hiện thi công, nghiệm thu các công việc hoàn thành. 	<ul style="list-style-type: none"> – Create favorable conditions for investors to examine the implementation of construction, acceptance of completed work .
<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện đúng đầy đủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của Nhà thầu theo quy định của hợp đồng. Không được tự ý điều chuyển, thay đổi hoặc đưa cán bộ, chuyên gia ra khỏi danh sách nhân sự công trình của Nhà thầu đã được Chủ đầu tư phê duyệt. Phải có ý ki 	<ul style="list-style-type: none"> – comply fully responsibilities and obligations of the Contractor under the provisions of the contract. Not to transfer, or to change officials and experts from the list of the contractor's work that has been approved by Investor. Must be agreed in wr

– Nếu Nhà thầu không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này thì Nhà thầu phải chịu phạt tương ứng với các phần việc vi phạm trên và Chủ đầu tư có quyền khấu trừ vào việc thanh toán hợp đồng.	– If the contractor does not fulfill its obligations under this contract, the Contractor shall be subject to a fine corresponding to above violation parts and Investor has the right to withhold payment on the contract .
9.2. Đại diện Nhà thầu	9.2. Representative of Contractor
– Nhà thầu phải chỉ định đại diện mình và uỷ quyền cho người đại diện điều hành công việc thay mặt Nhà thầu thực hiện Hợp đồng .	– The Contractor shall appoint its representative and authorized agent on behalf of contractors to conduct the contract .
– Trừ khi đại diện Nhà thầu được nêu tên trong Hợp đồng, trước ngày khởi công, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư tên và thông tin về người mà Nhà thầu đề nghị làm Đại diện của Nhà thầu để xem xét và đồng ý. Nếu người này không được chấp nhận hoặc	– Unless the contractor representative named in the contract, before starting work, the Contractor shall show to the Investor name and information about the contractor who offered a representative of the contractor to consider and agree. If this p
– Nếu không được sự đồng ý trước của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được bãi nhiệm đại diện Nhà thầu hoặc bổ nhiệm người khác thay thế.	– Without prior consent of the Investor, the Contractor must not dismiss or contractor representatives to appoint another one for replacement .
– Toàn bộ thời gian của Đại diện Nhà thầu phải được dành cho việc chỉ đạo thực hiện hợp đồng của Nhà thầu. Nếu đại diện của Nhà thầu buộc phải tạm thời vắng mặt tại công trường trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải cử người thay thế	– Entire duration of the Contractor Representative must be devoted to direct the contractor's contract. If the Contractor's representative must be temporarily absent from the site during construction, the Contractor shall appoint another one for
– Đại diện của Nhà thầu, thay mặt Nhà thầu, phải tiếp nhận các chỉ dẫn các chỉ dẫn của Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư.	– The Contractor's representative, on behalf of the contractor, must receive instructions for supervision Consultants, Investor
– Đại diện của Nhà thầu có thể giao nhiệm vụ và qui định rõ thẩm quyền cho bất cứ người nào có năng lực đồng thời có thể huỷ bỏ việc uỷ quyền này tại bất cứ thời điểm nào. Việc giao nhiệm vụ hoặc huỷ bỏ sẽ chỉ có hiệu lực khi Chủ đầu tư nhận được	– Representative of the contractor may assign clear authority and regulations for any person qualified and can cancel this authorization at any time. The assignment of tasks or cancellation will be effective only when the investor receives notice
– Đại diện Nhà thầu và những người này phải thông thạo ngôn ngữ giao tiếp được xác định tại Khoản 3.1 [Luật và ngôn ngữ].	– Representatives of Contractor and those who must master one the language of communication that is defined in item 3.1 [Law and Language] .
9.3. Nhà thầu phụ	9.3. Sub -contractor
– Nhà thầu không được ký giao lại hợp đồng cho thầu phụ để thực hiện thi công toàn bộ công trình.	– Subcontractors are not signed delivery contracts for subcontractors to perform the entire work of construction .
– Trong trường hợp cần phải có nhà thầu phụ tham gia thi công công trình Nhà thầu phải có văn bản thông báo trước cho Chủ đầu tư và phải thông báo các phần việc sử dụng nhà thầu phụ. Thầu phụ sẽ tham gia thi công chỉ khi có sự đồng ý của Chủ đầu t	– In case, sub-contractors should have involved into construction, contractor must give written notice to the investor and shall notify the use of subcontractors. Subcontractor will participate construction only if the consent of Investor, in thi
– Nhà thầu phụ tham gia thi công tại công trường phải tuân thủ mọi chỉ dẫn, quy định, chỉ đạo của Chủ đầu tư.	– Subcontractors involved in construction must comply with all instructions, regulations and guidance by Investor .

9.4. Hợp tác	9.4. Corporation
Như đã được quy định trong Hợp đồng hoặc chỉ dẫn của Chủ đầu tư hoặc Tư vấn giám sát, Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối	As stipulated in the contract or instructions of the investor or supervision consultant , Contractor shall be responsible for implementing cooperation in the
(a) Nhân lực của Chủ đầu tư,	(a) Personnel of Investor,
(b) Các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê, và	(b) Other contractors hired by Investor and
(c) Các nhân viên của các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước,	(c) Officials of Government authorities ,
là những người có thể được thuê hoặc cử đến để thực hiện công việc không có trong Hợp đồng ở trên.	who can be hired or appointed to perform the task without the above contract.
Các dịch vụ cho những người này, các Nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Nhà thầu, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Nhà thầu. Trường hợp các dịch vụ này làm phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng	Services for these people, other contractors may include the use of contractor equipment, temporary works or the way to the construction site layout is the responsibility of the contractor. Where do these services cost arising out of the contract price, t
Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, và phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong hồ sơ mời quan tâm (hồ sơ yêu cầu của Chủ đầu tư).	The Contractor shall be responsible for the construction and installation activities on their site, and must coordinate their activities with the activities of other contractors in scope (if any) specified in the file concerns (profile of the in
Theo Hợp đồng, nếu có yêu cầu Chủ đầu tư trao cho Nhà thầu quyền sử dụng bất cứ nền móng, kết cấu, nhà xưởng hoặc phương tiện tiếp cận nào theo đề nghị của Nhà thầu, Nhà thầu phải nộp những hồ sơ đề nghị này cho Chủ đầu tư hoặc Tư vấn giám sát theo đúng	Under the contract, if required investors to give contractors the right to use any foundation, structure, premises or any means of access at the request of the Contractor, the Contractor shall submit the dossier for the investor or consultant supervision
9.5. Định vị các mốc	9.5. Locating landmarks
Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong biên bản bàn giao mốc tọa độ cao độ. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải chịu trách nhiệm sai sót về vị trí	Contractors must locate construction according to landmarks and elevation reference altitude that is defined in the delivery records of altitude coordinates. The Contractor shall be responsible for the correct positioning of all items of work and be resp
9.6. Các quy định về an toàn	9.6. Safety provisions
Nhà thầu phải:	Contractor should
(a) Tuân thủ tất cả quy định an toàn lao động hiện hành.	(a) Obey all current provisions on labor safety.
(b) Quan tâm tới sự an toàn cho tất cả những người được phép có mặt trên công trường.	(b) Pay attention to safety for people permitted in the work site
(c) Nỗ lực bằng mọi biện pháp hợp lý để đảm bảo công trường và công trình gọn gàng nhằm tránh gây nguy hiểm cho những người này.	(c) By all appropriate methods to ensure tidiness of the work site and work, prevent from danger for such people.

(d) Đảm bảo có hàng rào, chiếu sáng, bảo vệ và trông nom Công trình cho tới khi hoàn thành và bàn giao theo Điều 12 [Nghịệm thu bàn giao].	(d) Ensure to have barriers, lighting, protection and care of the Work until it is completed and handed over in accordance with Article 12 (Takeover and Handover)].
(e) Làm mọi công trình tạm (gồm đường sá, đường đi bộ, trạm gác và hàng rào) cần thiết cho việc thi công xây dựng công trình, để sử dụng và bảo vệ công chúng và các chủ sở hữu và người đang cư trú ở các khu đất lân cận.	(e) Make all temporary works (including road, walkway, guardroom and fence) necessary for executing work construction, in order to use and protect people and owners as well as residence at neighboring areas.
Phạt do vi phạm về An toàn lao động, Vệ sinh môi trường, Phòng chống cháy nổ và an ninh trật tự trong quá trình thi công:	Penalty due to provisions of labor safety, environmental hygiene, explosive and fire prevention and order security during construction progress:
Trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các quy định về đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự gây ra tổn thất, mất mát lớn về tài sản, con người, công trình, hiện vật, kiến trúc hiện hữu, ... thì Nhà thầu sẽ phải chi	In the event where Contractor breaks provisions on ensuring labor safety, environmental hygiene, explosive and fire prevention, order security that cause big damage and loss of asset, body, work, item, existing architecture, etc, the Contractor shall be p
9.7. Đảm bảo chất lượng và bảo hành công trình	9.7. Quality assurance and work warranty
9.7.1. Nhà thầu phải tuân thủ đúng các qui định về quản lý chất lượng công trình xây dựng hiện hành của Nhà nước (bao gồm cả trách nhiệm của Nhà thầu đối với việc bảo hành công trình) trong việc thi công xây dựng công trình phù hợp với các nội dung đã nêu	9.7.1. The contractor should duly obey current provisions on managing construction work quality of the State (including responsibilities of the Contractor to guarantee the work) in executing work construction in accordance with contents specified in the C
9.7.2. Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng Nhà thầu phải:	9.7.2. After receiving work acceptance and work item report, the Contractor should:
(a) Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 24 tháng.	(a) Warranty period will be within 24 months.
(b) Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 05 ngày sau	(b) During warranty period, the Contractor should fix errors, flaws due to failure of the Contractor as executing the work at the expense of the Contractor. Such flaw fixing should be started within 07 days after receiving notice of the Employers subjecte
9.8. Điều kiện vật chất không lường trước được	9.8. Unanticipated material conditions
Trong khoản này, “ các điều kiện vật chất ” là các điều kiện vật chất tự nhiên và nhân tạo những trở ngại vật chất khác cũng như gây ô nhiễm mà Nhà thầu gặp phải tại công trường khi thi công công trình, bao gồm cả các điều kiện ngầm dưới đất, điều kiện th	In this provision, “material conditions” shall be natural and artificial conditions, other material obstacles as well as pollution that the Contractor met at the work site as executing the work, including underground condition, hydrographic conditions exc
Nếu Nhà thầu gặp phải các điều kiện vật chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư hoặc Tư vấn giám sát biết một cách sớm nhất có thể được. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện vật chất sao cho Chủ đ	If the Contractor meets unfavorable material condition that the Contractor considers unanticipated, the Contractor should notify the Employer or Consultant as soon as possible. This notice shall present material conditions so that the Employer and consult

9.9. Quyền về đường đi và phương tiện	9.9. Right on road and vehicles
Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng và / hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng sự chịu	The Contractor shall incur expenses and cost for right of special/temporary road needed by the Contractor, including entrance to the work site. The Contractor shall also have other vehicles out of the work site necessary for the work at its risk and expense
9.10. Tránh ảnh hưởng đến các công trình và dân cư	9.10. Avoid affecting to work and residents
Nhà thầu không được can thiệp một cách không cần thiết hoặc không thích hợp vào:	The contractor shall not unnecessarily or inappropriately intervene into:
(a) Sự thuận tiện của công chúng, hoặc	(a) Convenience of the people, or
(b) Việc tiếp cận, sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác.	(b) Accessing, using and occupying the whole road, pavement no matter what they are public or controlled by the Employer or others.
Nhà thầu phải bồi thường và đảm bảo cho Chủ đầu tư không bị mọi thiệt hại gây ra do tất cả các hư hỏng, tổn thất và chi phí (bao gồm các lệ phí và chi phí pháp lý) do bất kỳ sự can thiệp không cần thiết và không phù hợp nào gây ra.	The contractor should compensate and ensure the Employer exempt releasing damages due to all damages, losses and expenses (including legal expenses and costs) as any unnecessary and inappropriate intervention.
9.11. Đường vào công trường	9.11. Road to the work site
Nhà thầu phải được coi là đã thỏa mãn về sự có sẵn và phù hợp của các tuyến đường tới công trường. Nhà thầu phải nỗ lực hợp lý để tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải ba	The Contractor should be deemed to satisfy available and suitability of road line to the work site. The Contractor should reasonably effort to avoid from damaging road or bridge due to traveling of the Contractor or people of the Contractor. Such efforts
Trừ khi được quy định khác trong các Điều kiện này:	Unless otherwise provided in these provisions:
(a) Nhà thầu (trong quan hệ giữa các bên) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó.	(a) The Contractor (in the relation with parties) shall take responsibilities for fixing if the Contractor damages as using such road lines.
(b) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn.	(b) The Contractor should supply necessary signs and directions along the road line and apply for permission of related authorities for using the road line, signs and directions.
(c) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại.	(c) The Employer shall not take any responsibility for any claim due to using or other matters related to the road line.
(d) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào và chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường vào cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu, sẽ do Nhà thầu chịu.	(d) The Employer shall not assure appropriation or availability of specific road line and expense due to unsuitability or unavailability of road line for use demand of the Contractor shall be incurred by the Contractor.
Nhà thầu phải bê tông hóa toàn bộ các tuyến đường nội bộ trong công trường, đảm bảo kết cấu chịu lực để các phương tiện có tải trọng lớn lưu thông trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.	The Contractor should concrete all internal road lines in the work sites; ensure bearing structure for heavy weight vehicles to circulate during progress of Contract performance.

9.12. Vận chuyển Hàng hoá	9.12. Goods transportation
Trừ khi có quy định khác:	Unless otherwise provided:
(a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 05 ngày, trước ngày mà mọi thiết bị hoặc hạng mục hàng hoá chính khác được vận chuyển tới công	(a) The contractor should notify the Employer no later than 05 days, before all major equipment and goods item are transported to the work site.
(b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ toàn bộ hàng hoá và các vật dụng khác cần cho công trình.	(b) The Contractor shall take responsibilities for packing, cargo, transportation, discharge, storage and protection of all goods and other outfits for the work.
(c) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển hàng hoá và phải thương lượng và thanh toán toàn bộ yêu cầu đòi đền bù phát sinh từ việc vận tải củ	(c) The Contractor should indemnify and bear damage for the Employer subjected to damage, losses and expense (including judicial charges and fees) because of goods transportation and should negotiate and pay all expenses arising from such transportation.
9.13. Thiết bị Nhà thầu	9.13. Equipment of Contractor
Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị Nhà thầu. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải là để dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một mục thiết bị chủ yếu nào	The Contractor shall take all responsibilities for all equipment of the contractor. As transporting to work site, equipment of the Contractor should be used for executing the work. The Contractor shall not move any major equipment item out of the work sit
Tất cả các thiết bị, máy móc đưa vào công trình đều phải có kiểm định, đăng kiểm theo quy định hiện hành của pháp luật.	All equipment, machines transported to the work site should be verified, registered in accordance current provisions of the law.
9.14. Bảo vệ Môi trường	9.14. Environmental protection
Nhà thầu phải thực hiện các bước hợp lý để bảo vệ môi trường (cả trong và ngoài công trường) và hạn chế thiệt hại và ảnh hưởng tới con người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và các hậu quả khác từ hoạt động của Nhà thầu gây ra.	The Contractor should execute appropriate steps to protect environment (inside and outside the work site) and restrict damage and effect to body and damage due to pollution, noise and other consequences from operation of the Contractor.
Nhà thầu phải đảm bảo rằng các khí thải, chất thải trên mặt đất và dòng thải do hoạt động của Nhà thầu không được vượt quá mức quy định trong các yêu cầu của Chủ đầu tư và không được vượt quá mức quy định của luật hiện hành.	The Contractor should ensure that exhaust gas, waste in land effluent due to operation of the Contractor exceeds specified levels in requirement of the Employer and shall not exceed specified level of the current law.
Chịu trách nhiệm giải quyết mọi khiếu nại của dân cư lân cận và với các cơ quan quản lý chuyên trách.	Take responsibility for settling all claims of neighboring residents and to competent authority in charge.
Nhà thầu phải có trách nhiệm thu gom rác thải, quét dọn, vệ sinh công trường 24/24h hàng ngày, tưới nước sạch thường xuyên, liên tục đường nội bộ và bên ngoài công trường 24/24h hàng ngày (tối thiểu 4 lần/ngày hoặc khi Chủ đầu tư có yêu cầu).	The contractor shall take responsibility for collecting rubbish, cleaning, work site hygiene 24/24h every day, regularly water road inside and outside the work site 24/24h every day (4 times/day at least or upon request of the Employer).
9.15. Điện, nước và năng lượng khác	9.15. Electricity, water and other energy
Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.	Unless otherwise provided hereinafter, the Contractor shall be responsible for supplying electricity, water and other services that the Contractor needs.

Nhà thầu có quyền sử dụng cho mục đích thi công Công trình việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu, tự mình phải chịu rủi ro và dùng chi phí của m	The Contractor has right to use electricity, water and other service supply in the work site on the purpose of executing the Work that details and price specified in requests of the Employer. The contractor at its expense bear risks and cost to supply nec
Nhà thầu phải liên hệ với Chủ đầu tư để đấu nối điện, nước và thanh toán đầy đủ tiền điện nước thi công theo giá hiện hành và các giá trị tiện ích do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu thi công (nếu có) vào ngay đợt thanh toán của tháng.	The Contractor should contact the Employer to connect electricity, water and fully pay the execution fee upon current price and utility value because the Employer supplies for the contractor executing (if any) at payment stage of the
9.16. Báo cáo Tiến độ	9.16. Progress report
Trừ khi có quy định khác trong Điều kiện riêng, các báo cáo tiến độ thực hiện hàng tuần, tháng sẽ được Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án, Tư vấn giám sát 03 bản.	Unless otherwise provided in particular Condition, 03 copies of weekly and monthly performance progress reports shall be submitted the Employer, Project Management Unit, and Consultant by the Contractor.
Báo cáo phải liên tục cho tới khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc còn tồn tại tại thời điểm hoàn thành được nêu trong Biên bản nghiệm thu công trình.	The report should be constant until the Contractor completes all remaining work at the completion time specified the work acceptance report.
9.17. An ninh công trường	9.17. Work site security
Trừ khi có quy định khác trong những Điều kiện riêng:	Unless otherwise provided in Particular Conditions:
(a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc không cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường, và	(a) The Contractor shall take responsibilities for not permitting people who are not on duty to enter the work site, and
(b) Những người có nhiệm vụ được giới hạn trong phạm vi nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết, là những người có nhiệm vụ của các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê làm vi	(b) Eligible people are limited in the scope of Contractor and Employer personnel and other people notified by the Employer to the Contractor (or representatives), are people who are on duty of other contractors hired by the Employer at the work site.
Giữ gìn an ninh trật tự trong phạm vi công trường và nhà bên cạnh công trường. Đăng ký tạm trú, tạm vắng. Xin các loại giấy phép để phục vụ thi công, có biện pháp chống đỡ các công trình lân cận khi thi công để đảm bảo an toàn, phải lập hàng rào bao quanh	Keep order and security at the work site and neighboring area. Register temporal residence and absence. Ally for license for execution, have method of supporting adjacent works as performance in order to ensure safety, shall build fence and prevent the wo
Nhà thầu không được làm nhà ở cho cán bộ, công nhân tại công trường, nhà thầu phải bố trí nơi ở bên ngoài công trường.	The contractor shall not build houses for employees at the work site; the contractor should arrange houses outside the work site.
Nhà thầu phải có trách nhiệm bố trí các chốt bảo vệ và barrie công trường để đảm bảo công tác an ninh trật tự.	The contractor shall take responsibilities for arranging protection points and site barriers to ensure order security.
Nghiêm cấm tất cả các hành vi tổ chức đánh bạc, ma túy, mại dâm dưới mọi hình thức, mang chất cháy nổ vào công trường	Strictly prohibit all actions of organizing gambling, drug, prostitution under all forms, bring explosive matters to the work site.
Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện và phổ biến nội quy công trường do Chủ đầu tư quy định.	The contractor takes responsibility for implementing and generalizing work site regulations specified by the Employer.

9.18. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường	9.18. Operation of the Contractor at the work site
Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường, và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động	The contractor should restrict its operation at the work site and supplemental areas owning by the Contractor and approved by the Employer as working place. The Contractor should take necessary interest to keep equipment and personnel of the Contractor op
Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của Nhà thầu. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi	During progress of executing the work, the contractor shall keep the work site from unnecessary obstacles and keep or arrange redundant equipment or materials of the Contractor. The contractor shall clean rubbish and remove temporary works from the work s
Sau khi Biên bản nghiệm thu đã được cấp cho công trình, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình tro	After granting Acceptance Report of the work, the contractor should clean up and remove all equipment, redundant materials, building waste, rubbish and temporary works of the Contractor. The contractor should make such area of the work site and work clean
9.19. Các vấn đề khác có liên quan	9.19. Other related matters
Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi	All antiques, coin or other relics or geographic or archaeological items discovered at the work site shall be under preservation and authority of the Employer. The contractor should not permit its personnel or others to take or damage such objects.
Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết.	As discovering such objects, the Contractor should immediately notify the Employer for guiding settlement.
ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CHUNG CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	ARTICLE 10: GENERAL RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE EMPLOYER
10.1. Quyền tiếp cận công trường	10.1. Right to access work site
Chủ đầu tư phải cho Nhà thầu quyền tiếp cận và sử dụng toàn bộ các phần của công trường trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Nếu không quy định thời gian trong Hợp đồng này, Chủ đầu tư phải cho phép Nhà thầu quyền tiếp cận và quyền sử dụng công trường	The Employer should permit the Contractor to access and use all parts of the work site during the contract performance. If time is not specified in such Contract, the Employer should permit the Contractor access and use the work site to execute constructi
10.2. Nhân lực của Chủ đầu tư	10.2. Personnel of the Employer
Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đảm bảo người của Chủ đầu tư và các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên công trường:	The Employer should take responsibilities of assuring personnel of the Employer and other contractors of the Employers at the work site.
(a) Hợp tác với sự nỗ lực của Nhà thầu theo Khoản 9.4 [Hợp tác].	(a) Cooperate under effort of the Contractor as Item 9.4 [Cooperation].

(b) Hành động tương tự như những gì yêu cầu Nhà thầu thực hiện theo điểm (a), (b) và (c) của Khoản 9.6 [Các quy định về an toàn] và theo Khoản 9.14 [Bảo vệ môi trường].	(b) Similarly act as requesting the Contractor to perform in accordance with points (a), (b) and (c) of Item [9.6 [Safety provisions] and Item 9.14 [Environmental protection].
10.3. Khiếu nại của Chủ đầu tư	10.3. Claims of the Employer
Nếu Chủ đầu tư tự xét thấy mình có quyền với bất kỳ thanh toán nào theo bất cứ điều nào của những Điều kiện này hoặc các quy định khác liên quan đến Hợp đồng, và/hoặc đối với việc kéo dài thời gian thông báo sai sót, Chủ đầu tư phải thông báo và cung cấp	If the Employer considers at its expense that it has right to any payment upon any provisions of such Conditions or other provisions related to the Contract, and/or for extending duration of flaws notify, the Employer should notify and supply details to t
Phải thông báo càng sớm càng tốt sau khi Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại. Thông báo về việc kéo dài Thời hạn thông báo sai sót phải được thực hiện trước khi hết hạn thời gian thông báo.	Notice should be done as soon as possible after the Employer realizes problem or situations causing claim. Notice of extending duration of flaws announcement should be implemented before expiry date of notice.
Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều hoặc cơ sở khiếu nại khác, và phải bao gồm minh chứng của số tiền và/hoặc sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến Hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải tiến hành quyết định (i) số	Detailed information should specify matters or other claims basis and include proof of amount and/or extension that the Employer at expense has right to benefit in the connection with the Contract. Then the Employer should decide (i) the amount (if any) t
Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo Khoản này.	The Employer may deduct this amount from any debt or debt in the future of the Contractor. The Employer is only entitled to deduct or reduce deducted amount from total of confirmed debt of the Contractor or another claim for the Contractor upon this provi
ĐIỀU 11. TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI CHỦ ĐẦU TƯ	ARTICLE 11: CONTRACT SUSPENSION AND TERMINATION BY THE EMPLOYER
11.1. Thông báo sửa chữa	11.1. Correction notice
Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.	If the Contractor does not perform its obligations at the Contract, the Employer may give notice that requests the contractor to implement and correct flaws at specific time.
11.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư	11.2. Contract termination by the Employer
Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Nhà thầu :	The Employer has right to terminate the Contract if the Contractor:
(a) Không tuân thủ một thông báo theo Khoản 13.1 [Hoàn thành công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót] trong vòng 15 ngày,	(a) Do not obey notice in accordance with Item 13.1 [Incomplete work accomplishment and flaws correction] within 15 days,
(b) Bỏ dở Công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng,	(b) Leave the Work or have intention to not keep obligation performance specified in the Contract,
(c) Không có lý do chính đáng mà lại không tiếp tục công trình theo Điều 7 [Tiến độ thi công],	(c) Do not keep performing the work in accordance with Article 7 [Execution progress] without legitimate reason.

(d) Cho thầu phụ toàn bộ công trình hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận theo yêu cầu,	(d) Give the whole work to subcontractor or transfer the Contract without agreement upon request,
(e) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nà	(e) Bankrupt or close, managed in the respect of asset, should negotiate with creditor or keep business under control of asset manager or authorized person or managers for benefit of creditor or have action or event happened (according to applicable laws)
(f) Đưa hoặc có ngỏ ý đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) đút lót, quà cáp hay tiền hoa hồng hoặc các vật khác có giá trị cho người nào đó như phần thưởng hoặc để mua chuộc :	(f) Provision or offer to give (directly or indirectly) bribes, gifts or commissions or other valuable things to someone as a reward or bribe to get:
(f.i) Để thực hiện hoặc chịu thực hiện các hành động liên quan đến Hợp đồng, hoặc	(i) To implement or accept to implement operation related to the Contract, or
(f.ii) để tỏ ra là thiên vị hay không thiên vị một người nào đó có liên quan đến Hợp đồng,	(ii) To prove biased or unbiased any person related to the Contract,
hoặc nếu Nhân viên của Nhà thầu hoặc các Thầu phụ đưa hoặc có ngỏ ý đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) cho người nào đó như phần thưởng hoặc để mua chuộc như được mô tả trong phần (f). Tuy nhiên, việc thưởng hay thù lao một cách hợp pháp cho Người của Nhà thầu	Or if Employees of the Contractor or subcontractors give or intend to give (direct or indirect) any person gift or to bribe as specified in section (f). However, legally awarding or paying Employee of the Contractor shall not give right of terminating the
Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể, bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 21 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của phần (e) hoặc (f), Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt	If there is one of such cases, the Employers may, by notice to the Contractor prior to 21 days, terminate the Contract and expel the Contractor from the work site. However, in the event specified in section (e) or (f), the Employer may give notice of Cont
Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư, theo Hợp đồng.	Choice of the Employer in the respect of the Contract termination shall not affect to other rights and interests of the Employers upon the Contract.
Nhà thầu phải rời Công trường và chuyển các hàng hóa cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo	The Contractor must leave the Work and give the Employer necessary goods, documents and other design documents of the Contractor. However, the Contractor shall try its best to immediately obey appropriate guidelines specified in the notice (i) subcontract
Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành Công trình và/hoặc sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ hàng hóa, tài liệu nào của Nhà thầu nào và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu t	After terminating the Contract, the Employer may complete the Work and/or organize other units perform. Then the Employer and these units may use any goods, documents of any Contractor and other design documents made by the Contractor or its representativ
Chủ đầu tư sẽ thông báo rằng thiết bị của Nhà thầu và các Công trình tạm thời sẽ được giải phóng cho Nhà thầu ở tại hoặc gần Công trường. Nhà thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến	The Employer shall notify that equipment of the Contractor and Work shall be temporarily liberated for the Contractor at or near the Work site. The Contractor shall immediately arrange to move them; risk and expense of this work shall be incurred by the C

11.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng	11.3. Price determination at the date of Contract termination
Ngay khi thông báo chấm dứt theo Khoản 11.2 [Chấm dứt hợp đồng bởi chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, hàng hóa và tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu cho các công việc được	Right after notice of termination according to Item 11.2 [contract termination by the employer] is effective, the Employer shall agree or determine value of the work, goods and documents of the contractor and payable amounts to the Contractor for works th
11.4. Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng	11.4. Payment after contract termination
Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo Khoản 11.2 [Chấm dứt hợp đồng bởi chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể :	After notice of contract termination according to Item 11.2 (Contract termination by the Employer) is effective, the Employer may:
(a) Tiến hành theo Khoản 10.3 [Khiếu nại của Chủ đầu tư],	(a) Perform according to Item 10.3 [Claim of the Employer],
(b) Không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thiết kế (nếu có), thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong hoàn thành và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chịu đã được thiết lập và / hoặc	(b) Do not further pay the Contractor until expense (if any) of design, execution, completion and flaws and damage fixing due to delay in completion and other expense incurred by the Employer have already made and/or
(c) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành Công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu theo Khoản 11.3 [Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng]. S	(c) Recover expenses of Contractor for damage and losses incurred by the Employers and other further expenses of the work Completion, after taking into account of any debt for the Contractor according to Item 11.3 [Price determination at the date of con
11.5. Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư	11.5. Rights of contract termination of the Employer
Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Chủ đầu tư, bằng cách thông báo cho Nhà thầu việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực 21 ngày sau ngày đến sau của các thời điểm mà Nhà thầu nhận được thông báo này củ	The Employer shall have right to terminate the Contract whenever convenient to the Employer, by notifying the Contractor termination of the Contract. Such termination shall be effective within 21 days after the Contractor receiving this notice of the Empl
Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu phải tiến hành theo Khoản 14.3 [Ngừng công việc và di dời thiết bị của Nhà thầu] và sẽ được thanh toán theo Khoản 17.6 [Chấm dứt công trình có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm].	After terminating the Contract, the Contractor should implement according to Item 14.3 [Work stoppage and equipment removal of the Contractor] and shall be paid in accordance with Item 17.6 [Selective work termination, payment and responsibilities release
ĐIỀU 12. NGHIỆM THU BÀN GIAO	ARTICLE 12. ACCEPTANCE AND HANDOVER
12.1 Nhà thầu phải ghi chép và đảm bảo có đầy đủ tài liệu theo dõi quá trình thi công để đưa vào hồ sơ nghiệm thu và bàn giao cho Chủ Đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.	12.1 The Contractor should record and ensure to have enough document of monitoring execution progress to put into acceptance and handover documents to the Employer as provisions of current law.

12.2 Nhà thầu có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu và các điều kiện cần thiết để các bên cùng tiến hành nghiệm thu công trình theo đúng tiến độ.	12.2 The Contractor shall be responsible for fully preparing documents and necessary conditions for the parties to jointly accept the work in accordance with the progress.
12.3 Nhà thầu có trách nhiệm hoàn chỉnh các Hồ sơ nghiệm thu theo tiến độ như sau:	12.3 The contractor shall be responsible for fulfilling Acceptance Document according to the progress as follows:
- Biên bản nghiệm thu tại hiện trường;	- Acceptance report at the work site;
- Hồ sơ hoàn công công việc, giai đoạn hoàn thành.	- Work completion document, completion period.
- Biên bản nghiệm thu còn lại (bê tông R28) ngay sau khi đủ điều kiện và theo thời gian yêu cầu của Chủ Đầu tư.	- Remaining acceptance report (concrete R28) right after getting enough condition and according to requested time of the Employer.
Chủ Đầu tư có thể từ chối nghiệm thu công việc hoặc bộ phận công trình tiếp theo nếu Nhà thầu không hoàn thành các hồ sơ nghiệm thu của các công việc hoặc bộ phận công trình đã thi công.	The Employer may refuse to accept the work or subsequent work part if the Contractor does not complete acceptance reports of the works or executed work parts.
12.4 Sau khi thực hiện xong việc nghiệm thu hoàn thành hạng mục, Nhà thầu có trách nhiệm bàn giao hạng mục công trình cùng hồ sơ hoàn công cho Chủ Đầu tư.	12.4 After finishing acceptance of complete items, the Contractor shall be responsible for handing over the Employer work item along with completion document.
12.5 Thực hiện nghiệm thu và bàn giao theo các nội dung quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ - CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung	12.5 Implement acceptance and handover according provisions of Decree No.209/2004/NĐ-CP dated December 16th, 2009 of the Government on managing construction work quality and Decree No. 49/2008-NĐ-CP dated April 18th, 2008 of the Government on adjustment
12.6 Điều kiện nghiệm thu và lưu giữ hồ sơ sau nghiệm thu:	12.6 Acceptance condition and document storage after acceptance:
12.6.1 Các hồ sơ để nghiệm thu:	12.6.1 Document for acceptance:
- Nghiệm thu nội bộ của nhà thầu thi công xây dựng.	- Internal acceptance of construction contractor.
- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.	- Acceptance request note of construction contractor.
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công, biện pháp thi công được Chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được Chủ Đầu tư hoặc người được ủy quyền của Chủ Đầu tư chấp thuận.	- Technical design document, construction method approved by the Employer and design changes accepted by the Employer or its authorized representative.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.	- Applicable construction codes and standards.
- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng.	- Technical manual enclosed with construction contract.
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng; Biên bản nghiệm thu vật tư, vật liệu trước khi đưa vào sử dụng thi công.	- Results of inspection, material quality test, equipment are implemented during construction progress. Material acceptance reports before being in use, construction.
- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Chủ đầu tư và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.	- Construction, monitor diary of the Employer and other documents related to accepted entities.

Chủ Đầu tư sẽ thực hiện nghiệm thu từng công việc xây dựng, từng bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng; từng hạng mục thi công xây dựng, công trình xây dựng đưa vào sử dụng. Đối với các bộ phận bị che khuất của công trình phải được ngh	The Employer shall accept each construction work, each work part, construction phase, construction item, construction work being in use. Overlapped parts of the work should be accepted and drawn in as-built drawing before implementing subsequent works.
Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo qui định.	The Employer only accepts as the accepted entities have been completed and have enough documents as stipulated.
Hạng mục công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định.	Work item is only accepted to put in use as it meets design requirement, quality and standards as stipulated.
Mỗi lần nghiệm thu xong một nội dung công việc, yêu cầu chuyển 01 bộ hồ sơ nghiệm thu về Ban quản lý công trình của Chủ đầu tư.	Each time of finishing acceptance of work content, it is necessary for addressing 01 acceptance document to Work Management Unit of the Employer.
- Các công việc nghiệm thu phải theo các công việc của hợp đồng mà thực tế đã thực hiện và các công việc phát sinh được Chủ Đầu tư xác nhận.	- Accepted works should be in accordance with the contract work that has been done in practice and arising works are confirmed by the Employer.
- Các công việc không có nghiệm thu hoặc nhà thầu quên không làm nghiệm thu thì Chủ đầu tư coi như không làm và sẽ không được thanh quyết toán.	- Works that are not accepted or the contractor forget to accept, the Employer deems to be not done and shall not be paid.
12.6.2. Điều kiện để bàn giao hạng mục công trình đưa vào sử dụng:	12.6.2. Conditions to handover work items to put in use
Các tài liệu quy định tại mục (12.6.1) nêu trên.	Documents specified at item (12.6.1) as mentioned above.
Biên bản nghiệm thu bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng hoàn thành.	Reports of construction work part acceptance, completed construction phase.
Bản vẽ hoàn công hạng mục công trình xây dựng (sau khi đã hoàn thành khắc phục các tồn tại về chất lượng).	As-built drawing of construction work item (after completing shortcomings overcome in the respect of quality)
Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng nội bộ nhà thầu thi công xây dựng.	Reports of internal construction work item completion acceptance executed by the contractor.
Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng (có xác nhận của Hội đồng nghiệm thu và Tư vấn giám sát).	Reports of work item completion acceptance to put in use (have confirmation of Acceptance Council and Consultant).
Việc nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình xây dựng phải thành lập Hội đồng nghiệm thu bàn giao hạng mục công trình, thành phần của Hội đồng nghiệm thu theo qui định của pháp luật về nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình xây dựng.	It is necessary to found Acceptance and Handover Council in charge in charge of accepting and handing over the construction work item, members of the Council shall be in accordance with provisions of the law.
ĐIỀU 13. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC SAI SÓT	ARTICLE 13: RESPONSIBILITY FOR ERRORS
13.1. Hoàn thành Công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót	13.1. Complete the unfinished works and correct the errors
Để công trình và tài liệu của Nhà thầu và mỗi hạng mục cần phải luôn ở trong tình trạng do Hợp đồng quy định (trừ trường hợp bị hỏng) đến ngày hết hạn của thời hạn thông báo sai sót, Nhà thầu sẽ phải :	In order to works and documents of Contractor and each item needs to be always regulated by Contract (in case of deterioration) to expiration date of error announcement, Contractor will have to:

(a) Hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong Biên bản nghiệm thu trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu, và	(a) Complete the unfinished works on day listed in the handover minutes in the logical time requested by investor, and
(b) Thực hiện các công việc sửa chữa các sai sót hoặc hư hỏng do Chủ đầu tư thông báo vào ngày hoặc trước thời hạn thông báo sai sót của công trình hay hạng mục hết hạn (trường hợp nếu xảy ra).	(b) Fix and amend the errors and damages informed by Investor on day or before lead time of work error announcement (if any)
Nếu sai sót xuất hiện hoặc hư hỏng xảy ra, Nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư thông báo.	If having error or damage, Investor will inform for Contractor.
13.2. Chi phí cho việc sửa chữa sai sót	13.2. Cost for repairing the error
Chi phí cho việc hoàn thành công việc dở dang và sửa chữa sai sót Nhà thầu phải chịu rủi ro và các chi phí.	Cost for completing the unfinished works and repairing the error will be born by Contractor.
13.3. Kéo dài thêm thời hạn thông báo sai sót	13.3. Expand more time for error announcement
Theo Khoản 10.3 [Khiếu nại của Chủ đầu tư] Chủ đầu tư sẽ được quyền kéo dài thêm Thời hạn thông báo sai sót về công trình hoặc hạng mục nếu và ở mức độ mà công trình, hạng mục công trình hay một bộ phận chính của Nhà máy (tùy từng trường hợp và sau khi đã	According to Clause 10.3 [Investor's complaint] Investor will be entitled to expand duration for error announcement about the work or item if and at the extent that works, or a major part of the Plant (depending on each case and after testing) can not be
Nếu việc cung cấp và / hoặc lắp đặt thiết bị và / hoặc các vật liệu bị tạm ngừng gây tạm ngừng công việc hay Khoản 14.1 [Quyền tạm ngừng công việc của Nhà thầu], theo Điều này nghĩa vụ của Nhà thầu sẽ không áp dụng cho những sai sót hoặc hư hỏng xảy ra qu	If the supply and / or installation of equipment and / or suspended materials causes suspension of work or Clause 14.1 [right to suspend the work of the contractor], under this Article the obligations of Contractor shall not apply for errors or damages oc
13.4. Không sửa chữa được sai sót	13.4. Can't fix the error
Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng. Nhà thầu sẽ được thông báo về ngày này.	If Contractor fails to correct the error or damage within a reasonable time, Investor or the investor's representative may fix the date for error or damage correction. Contractors will be notified of this date.
Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã thông báo và việc sửa chữa sẽ được thực hiện mà Nhà thầu phải chịu chi phí theo Khoản 13.2 [Chi phí sửa chữa sai sót], Chủ đầu tư (tùy theo lựa chọn) có thể :	If Contractor fails to correct the error or damage on the date informed before that implemented by Contractor, Contractor must bear the cost under Clause 13.2 [Cost of error correction], Investor (depending on each choice) can:
(a) Tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác theo cách thức hợp lý và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí, nhưng Nhà thầu sẽ không chịu trách nhiệm về công việc này ; và Nhà thầu theo Khoản 10.3 [Khiếu nại của Chủ đầu tư] phải trả cho Chủ đầu tư những chi p	(a) Conduct the work or hire another person in a reasonable manner and Contractor shall bear all costs, but Contractor shall not be responsible for this work, and Contractor, under Clause 10.3 [Investor's complaint] must pay the reasonable expenses incurr
(b) Khấu trừ hợp lý trong Giá hợp đồng, hoặc	(b) Discount logically in the price of Contract or
(c) nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư về cơ bản bị mất toàn bộ lợi ích từ công trình hay phần lớn công trình, sẽ chấm dứt toàn bộ Hợp đồng hay phần lớn công trình không thể đưa vào sử dụng cho mục đích đã định. Khi đó, theo Hợp đồng hay khô	(c) If error or damage make Investor basically lose the entire benefits from the project or the majority of works, will terminate the entire contract or the majority of works that can not be put into use for items intended destination. At that time, under

13.5. Di chuyển sản phẩm bị sai sót	13.5. Displace the error products
Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa tốt ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa. Sự đồng ý này của Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu	If error or damage cant be repaired on the field well and agreed by Investor, Contractor can move the not good equipments or materials out of the site to repair. This consent of Investor may require Contractor to increase the amount of guaranteed contrac
13.6. Các kiểm định thêm	13.6. Extra inspections
Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng có thể ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Chủ đầu tư có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong Hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và/hoặc kiểm định sau khi hoàn thành	If the correction of error or damage that may affect the operation of the facility, Investor may request to check again any inspection listed in the contract, including the inspection when it completes and / or tests after completion. This requirement can
Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, chỉ khác là được tiến hành bằng sự rủi ro và kinh phí của bên chịu trách nhiệm, theo Khoản 13.2 [Chi phí sửa chữa sai sót] cho chi phí sửa chữa sai sót.	These inspections must be conducted under the applied conditions to the test before, only different thing is that it must be conducted by the risk and cost of the responsible party, under Clause 13.2 [Cost of error correction]
13.7. Nhà thầu tìm nguyên nhân	13.7. Contractor finds reason
Nhà thầu phải có trách nhiệm tìm rõ nguyên nhân dẫn đến sai sót, nếu Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư yêu cầu.	Contractor has responsibility to find out the errors if the supervise consultant and Contractor requests
13.8. Biên bản nghiệm thu	13.8. Handover Minutes
Việc thực hiện các nghĩa vụ của Nhà thầu sẽ không được coi là đã hoàn thành nếu Nhà thầu chưa được Chủ đầu tư cấp Biên bản nghiệm thu, nêu rõ ngày mà Nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo đúng Hợp đồng.	The implementation of the obligations of Contractor shall not be considered to complete if Contractor has not been granted the handover minutes by Investor, stating the date on which Contractor has completed its obligations in accordance with contract
Chủ đầu tư hoặc Tư vấn giám sát sẽ cấp Biên bản nghiệm thu trong vòng 07 ngày sau ngày hết hạn của Thời hạn thông báo sai sót hoặc ngay sau khi Nhà thầu đã cung cấp tất cả các tài liệu của Nhà thầu và đã hoàn thành và kiểm định tất cả công trình, bao gồm	Investor or supervise consultant will issue the handover minutes within 07 days after the expiration of error announcement right after Contractor has provided all the documents of Contractor and has completed and tested all the works, including the repair
(a) Biên bản nghiệm thu được xem như đã được cấp vào ngày thứ 08 sau ngày đáng lẽ phải được cấp theo yêu cầu của khoản này, và	(a) Handover minutes are considered as issued on the 8th after the day it should be issued of this article, and
(b) Khoản 13.10 [Giải phóng mặt bằng] và điểm (a) của Khoản 20.2 [Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư] sẽ không được áp dụng.	(b) Clause 13.10 [Site Clearance] and point (a) of Clause 20.2 [Terminate Contractor's responsibility] will be not applied.
Chỉ có Biên bản nghiệm thu mới được coi là cấu thành nên việc chấp nhận công	Only having Handover Minutes considered as foudation of work acceptance.
13.9. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành	13.9. Unfinished duties

Sau khi đã cấp Biên bản nghiệm thu, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với các mục đích xác định nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa thực hiện.	After accepting Handover Minutes, each party will be responsible for fulfilling the obligations that have not been made at that time. The contract is considered to be valid for purposes of determining the content and scope of these obligations which have
13.10. Giải phóng mặt bằng	13.10. Site clearance
Khi nhận được Biên bản nghiệm thu, Nhà thầu sẽ dọn khỏi công trường tất cả các thiết bị của Nhà thầu, vật liệu còn thừa, rác và các công trình tạm còn lại.	Upon receiving the handover minutes, Contractor will move from site all of the contractor's equipments, surplus materials, rubbish and temporary works.
Nếu tất cả những vật dụng này không được dọn khỏi công trường trong vòng 10 ngày sau khi Chủ đầu tư cấp Biên bản nghiệm thu, Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ các vật đó. Chủ đầu tư có quyền được thanh toán các chi phí phát sinh từ việc bán hoặc thải bỏ	If all of these items are not moved from the site within 10 days after Investor issues the handover minutes, investor can sell or dispose of such materials. Investors are entitled to pay all costs arising from the sale or disposal or storage of those o
Việc cân đối các khoản tiền thu được từ việc bán các vật dụng trên sẽ được trả cho Nhà thầu. Nếu số tiền này ít hơn các chi phí mà Chủ đầu tư phải trả, Nhà thầu sẽ trả phần chi phí phát sinh dôi ra cho Chủ đầu tư.	The balance of the incomings from the sale of these items will be paid to the contractor. If this amount is less than the costs that investors pays, Contractor will pay the arising costs for Investors
ĐIỀU 14. TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI NHÀ THẦU	ARTICLE 14. SUSPENSION AND TERMINATE THE CONTRACT OF CONTRACTOR
14.1. Quyền tạm ngừng công việc của Nhà thầu	14.1. Right to suspension of contractor
Nếu Chủ đầu tư không tuân thủ Khoản 5.4 [Thanh toán], Nhà thầu có thể, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 15 ngày, sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu được tạm ứng, thanh toán theo các điều khoản	If Investor does not comply with Clause 5.4 [Payment], Contractor may, after notice to Investor no later than 15 days, will stop works (or reduce the rate of work) unless and until Contractor shall get the advanced money, paid under the terms of the contr
Việc tạm ngừng công việc của Nhà thầu theo khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt hợp đồng theo Khoản 14.2 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu].	The suspension of work by Contractor under this clause shall not affect the rights of Contractor for the financial costs and to terminate the contract under Clause 14.2 [Termination the contract by]
Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được tạm ứng hoặc thanh toán (như đã nêu trong Khoản tương ứng và trong thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.	If next Contractor receives an advance or payment (as stated in the corresponding amount and in the message above), before informing to terminate the contract, Contractor shall have to work as usual again right after they can be
14.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu	14.2. Terminate contract by contractor
Nhà thầu được quyền chấm dứt hợp đồng nếu :	Contractor has the right to terminate the contract if :
(a) Nhà thầu không nhận được số tiền được thanh toán đúng theo trong vòng 21 ngày làm việc sau khi hết hạn thời gian thanh toán được nêu trong Mục 5.4.1.2 [Thời hạn thanh toán],	(a) Contractor fails to get payment within 21 days after time expiration for payment listed in 5.4.1.2 [Payment time],
(b) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng,	(b) Contractor, basically, doesnt implement its duty in the contract
(c) Chủ đầu tư không tuân thủ Khoản 3.2 [Nhượng lại],	(c) Contractor doesnt comply to Clause 3.2 [cession],

(d) Việc tạm ngừng bị kéo dài ảnh hưởng đến toàn bộ công trình, hoặc	(d) The stopover is being expanded, caused the effect to the work, or
(e) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra	(e) Investors is bankrupt, insolvent, be closed, with asset management to negotiate with creditors or continue trading under the administration of the entrusted person or representative person for the interests of creditors or if there were any actions or
Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể, bằng thông báo trước 15 ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm (e) Nhà thầu có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.	In any event or circumstance described above, Contractor may, by notice to Investor 15 days in advance, to terminate the contract. But in the case of (e) Contractor may inform to terminate the contract immediately
14.3. Ngừng Công việc và di dời thiết bị Nhà thầu	14.3. Stop working and move the equipments of contractor
Sau khi nhận được thông báo kết thúc Hợp đồng theo Khoản 11.5 [Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư] , Khoản 14.2 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu] hoặc Khoản 17.6 [Chấm dứt công trình có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm] đã có hiệu lực, Nhà thầu	After receiving the notice to end the contract under Clause 11.5 [right to terminate the contract of the investor], Clause 14.2 [Termination of contract by Contractor] or Clause 17.6 [Termination of selected works, payment and out of liability] was in eff
(a) Ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Chủ đầu tư hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình.	(a) Cease all further work, except for the works has been guiding by investor to protect people and property or safety of the works
(b) Chuyển giao toàn bộ tài liệu của Nhà thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán, và	(b) Transfer all contractor's documents, equipments, materials and other things that Contractor has been paid, and
(c) Di dời tất cả hàng hóa khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho an toàn và rời khỏi công trường.	(c) Move all goods out of the site, except for the necessary things for safety and get out of the site.
14.4. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng	14.4. Payment when terminating the contract
Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 14.2 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu] đã có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức :	After informing to terminate the contract under the Clause 14.2 [Termination of the contract of the contractor] has come into force, Investor will be at once:
(a) Trả lại bảo lãnh thực hiện cho Nhà thầu,	(a) Return complementtation guarantee for Contractor,
(b) Thanh toán cho Nhà thầu theo Khoản 17.6 [Chấm dứt công trình có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm], và	(b) Pay for contractor under Clause 17.6 [Termination of selected works, payment and out of liability], and
(c) Thanh toán cho Nhà thầu số tiền do mất mát về lợi nhuận hoặc mất mát hư hỏng khác mà Nhà thầu phải chịu do việc chấm dứt Hợp đồng này.	(c) Pay for contractor the amount of loss in interest or other losses that contractor has to bear due to the termination of this contract.
ĐIỀU 15. RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM	ARTICLE. RISK AND RESPONSIBILITY
15.1. Bồi thường	15.1. Compensation
Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư và các đại lý riêng của họ, đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:	Contractor shall have to compensate and bear the damage for the investor, the investor's employees and agents of their own, for the claims, damages, losses and expenses (including fees and legal fees) related to:Bottom of Form

(a) Tồn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau, bệnh tật hay chết, của bất cứ người nào xảy ra trong hoặc ngoài quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy cho việc cấu thả, cố ý làm hoặc v	(a) Bodily injury, illness, sickness, disease or death of any person occurring in or outside the course or caused by construction and completion of the project and fix the flaws, unless it is the negligence, or violate in purpose to contract by Investor ,
(b) Hông hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hông hóc hay mất mát này:	(b) Damage or loss of any property which is real estate or belongs to individual (not work) at the scale which these ones:
(i) Phát sinh trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót,	(i) come from the period of operation, or the cause of implementation and work completion and errors correction,
(ii) Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Nhà thầu, nhân lực của Nhà thầu, hoặc các đại lý riêng của họ, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.	(ii) Be considered as the carelessness, doing it on purpose or contract violation by contractor, the contractor's employees and agents of their own or any person hired by them.
15.2. Sự cẩn trọng của Nhà thầu đối với công trình	15.2 Carefulness of contractor for the work
Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình và hàng hoá từ ngày khởi công cho đến ngày nghiệm thu và bàn giao công trình theo Điều 12. Nếu Biên bản nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng mục hay c	Contractor will bear full responsibility for ensuring that the works and goods from the commencement date until the date of acceptance and handover of works under Article 12. If the handover minutes is released (or considered as issuance) for any items o
Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong Biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.	Once this responsibility is properly transferred to Investor, Contractor will accept responsibility for ensuring that any unfinished work that has not settled on the date stated in the handover minutes until this work is completed.
Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, hàng hoá hoặc tài liệu của Nhà thầu nào trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm bảo đảm, do bất cứ lí do nào không được liệt kê trong Khoản 16.3 [Rủi ro của Chủ đầu tư], Nhà thầu	If any loss or damage will occur to the works, goods or materials of any contractor during Contractor is responsible for ensuring, by any reason not listed in Clause 16.3 [the investor's risk], the contractor will have to repair the loss or damage by the
Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ hông hóc hay mất mát do các hoạt động mà Nhà thầu thực hiện sau khi Biên bản nghiệm thu đã được phát hành. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hông hóc hay mất mát xảy ra sau khi Biên bản nghi	Contractor will be responsible for any damage or loss caused by the activities that the contractors made after the handover minutes is released. Contractor shall be responsible for any damage or loss occurs after the handover minutes is released and all
15.3. Rủi ro của Chủ đầu tư	15.3. Risks of the Employer
Các rủi ro được tham chiếu trong Khoản 15.4 dưới đây là :	Risks are refered to Clause 15.4 as follows:
(a) Chiến tranh, thái độ thù địch (bất kể chiến tranh được tuyên bố hay không), xâm lược, hoạt động thù địch nước ngoài,	(a) War, animosity (including war proclamation and no war proclamation), invasion, foreign animosity,
(b) Nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, quân sự, hoặc chiếm đoạt quyền lực, hoặc nội chiến,	(b) Rebel, terrorism, revolution, army or civil war,

(c) Nổi loạn, bạo động hay hỗn loạn trong nước sở tại do những người không phải là nhân viên của Nhà thầu và người làm thuê khác của Nhà thầu và Nhà thầu phụ gây ra.	(c) Rebel, uprising or chaos caused by the people who are not staffs of the Contractor and other employees of the Contractor and the Sub-contractor in the local country .
(d) Bom đạn của chiến tranh, chất nổ, ion hoá gây phóng xạ trong nước sở tại, ngoại trừ có thể quy kết cho Nhà thầu sử dụng đạn của chiến tranh, chất nổ, phát xạ hoặc các hoạt động của phóng xạ, và	(d) Lethal weapons, explosive, ionization causing radioactivation in the local country, except the Contractor is allowed to use lethal weapons, explosive, radioactive substance and
(e) Áp lực của các loại sóng gây ra bởi máy bay hoặc các phương tiện hàng không có tốc độ của âm thanh hoặc siêu thanh.	(e) Pressure of waves caused by airplanes or aviating facilities whose speed is the same with speed of sound or supersonic speed.
15.4. Hậu quả của các rủi ro của Chủ đầu tư	15.4. Consequences of the Employer's risks
Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, hàng hoá hay các tài liệu của Nhà thầu, thì Nhà thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Chủ đầu tư và sửa chữa sự mất mát và hư hỏng trong phạm vi Chủ đầu	The Contractor has to immediately send a notice in writing to the Employer and make up for loss and damages as requested by the Employer if risks result in loss or damages for works, properties, commodities or documents of the Contractor.
Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và/hoặc chịu chi phí do sửa chữa những mất mát hay hư hỏng này Nhà thầu phải gửi một thông báo cho Chủ đầu tư và sẽ có quyền theo Khoản 18.1 [Khiếu nại của nhà thầu] để:	In case the Contractor must bear delay and/or extra cost due to repair of loss of damages, the Contractor has to send a notice in writing to the Employer and has right to implement based on Clause 18.1 [Complaint of the Contractor] in order
(a) Kéo dài thời gian vì sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị hoặc sẽ bị chậm trễ, và	(a) Expand duration in the light of this delay, if the job will be postponed and drag
(b) Thanh toán mọi chi phí sẽ được cộng vào Giá hợp đồng.	(b) All charges will be added to the Contract price .
Sau khi nhận thông báo tiếp theo này, Chủ đầu tư nhất trí hay quyết định các vấn đề này.	Upon receipt of this notice, the Employer will give the final decision to this matter.
15.5. Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ	15.5. Industrial and intellectual property rights
Trong Khoản này, “sự xâm phạm” nghĩa là sự xâm phạm (hay bị cho là xâm phạm) bất cứ một bằng sáng chế, thiết kế đã đăng ký, quyền sao chụp, nhãn hiệu, mác thương mại, bí mật thương mại hay quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ khác liên quan đến công trình;	In this Clause, “ violation” means that violation (or to be considered as violation) of a patent, registered design, copy right, trademark, commercial confidence or industrial and intellectual property rights related to works and “ complaint” means that
Khi một Bên không gửi thông báo cho Bên kia về bất cứ khiếu nại nào trong vòng 07 ngày từ khi tiếp nhận khiếu nại, Bên thứ nhất sẽ bị coi là không phải bồi thường theo Khoản này.	When one Party does not inform in writing the other about any complaints within seven (07) days from the receiving date of complaint, the first Party is taken for granted that they will not be compensated in accordance with this Clause.
Nhà thầu sẽ bồi thường và gánh chịu mọi tổn hại cho Chủ đầu tư đối với bất cứ khiếu nại khác nảy sinh hoặc liên quan đến thiết kế, chế tạo, các thiết bị, xây dựng hoặc thực hiện Công trình của Nhà thầu.	The Contractor will compensate the Employer for any loss in the event of any other claims arisen out or related to design, manufacture, equipment, construction of implementation of works of the Contractor.
15.6. Giới hạn của trách nhiệm	15.6. Responsible limitation

Không Bên nào phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với Bên kia vì sự mất mát trong sử dụng bất kỳ công trình nào, sự mất mát về lợi nhuận, sự mất mát của bất kỳ Hợp đồng nào hay sự mất mát thiệt hại không trực tiếp hay do hậu quả để lại mà Bên kia có thể phải	The two parties do not take legal responsibility with each other due to damages from using works, loss of profit or any Contracts or indirect loss or consequences which the other has to be borne related to the Contract apart from regulations mentioned as
Toàn bộ trách nhiệm pháp lý của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư, theo hoặc liên quan đến Hợp đồng ngoài Khoản 9.15 [Điện, nước và năng lượng khác], Khoản 15.1 [Bồi thường] và Khoản 15.5 [Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ], phải không được vượt quá Giá hợp	Legal responsibilities of the Contractor to the Employer in compliance with or related to the Contract besides Clause 9.15 [Electricity, Water and other Power], Clause 15.1 [Compensation]and Clause 15.5 [Industrial and Intellectual Property Rights]
Khoản này sẽ không giới hạn trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp gian dối, bỏ cuộc cố ý hay cư xử sai trái một cách liều lĩnh bởi Bên phạm lỗi.	This Clause will not restrict legal responsibilities in the respect of cheating, intentional breach or wrong behaviour of the offending party.
ĐIỀU 16. BẢO HIỂM	ARTICLE 16. INSURANCE
Sau 10 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu phải mua bảo hiểm xây dựng và trình chứng nhận bảo hiểm theo quy định hiện hành cho Chủ đầu tư theo yêu cầu như dưới đây :	After 10 days from the date when the Contract comes into effect, the Contractor has to buy Construction insurance and submit existing insurance certificate to the Employer according to the below-mentioned requirements:
+ Nhà thầu phải mua các loại bảo hiểm như sau :	+ The Contractor has to buy the following insurances:
- Bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công	- Insurance of materials, equipment and machinery
- Bảo hiểm đối với người lao động làm việc tại công trường	- Insurance of employees working at construction sites
- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với các công trình lân cận	- Insurance of civil liability for surrounding works
- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ 3	- Insurance of civil liability for the third person
+ Các quy định về mua bảo hiểm tuân theo Luật pháp hiện hành.	+ Regulations on buying insurance have to comply with prevailing Law.
Sau khi ký Hợp đồng, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư kế hoạch chi tiết về trách nhiệm bảo hiểm của Nhà thầu như đã nói trên và chỉ được mua bảo hiểm sau khi có chấp thuận của Chủ đầu tư.	After signing the Contract, the Contractor has to advise the Employer in writing about detailing plan on insurance responsibility of the Contractor as above mentioned and insurance is only bought upon the Employer's approval.
Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu điều chỉnh mức bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với nhân sự của Nhà thầu và bên thứ 3 theo các quy định hiện hành một cách hợp lý.	The Employer has right to ask the Contractor to adjust level of civil liability insurance of the Contractor and the third party in accordance with reasonably existing regulations.
Trước khi mua bảo hiểm đối với các công trình lân cận, Nhà thầu phải lập phương án hồ sơ khảo sát, có xác nhận của các thành phần tham dự bao gồm Nhà thầu thi công, Chủ đầu tư, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát, Chủ sở hữu các công trình lân cận để xác định	Before buying insurance of the surrounding works, the Contractor must arrange investigating plan with the verification of the components including The Contractors, the Employer, Supervising Consultant, the Owners of the surrounding works to determine suit
Nhà thầu phải thực hiện duy trì bảo hiểm trách nhiệm pháp lý cho các khiếu nại về hư hỏng, mất mát và chi phí (bao gồm các chi phí pháp lý và các chi phí do tổn thất, ốm đau, bệnh tật hay tử vong của bất kỳ người nào được Nhà thầu thuê hay bất kỳ nhân viên	The Contractor has to carry out legal liability insurance of complaint on damages, loss and expenses (including legal cost and expenses for loss, sickness, diseases or death of any employees and staffs of the Contractor).

Bảo hiểm phải được duy trì đầy đủ hiệu lực và hiệu quả trong suốt toàn bộ thời gian mà các nhân viên này thi công trên công trình. Đối với các nhân công của Nhà thầu phụ, bảo hiểm này có thể do Nhà thầu phụ thực hiện, nhưng Nhà thầu phải yêu cầu Nhà thầu	Insurance must be retained validity and effect during the period when these staffs are working at the construction site. With the workers of the subcontractors, the subcontractors takes in charge of buying this insurance; however, the Contractor has to re
Chủ đầu tư có trách nhiệm mua bảo hiểm công trình và các loại bảo hiểm khác theo qui định của Pháp luật.	The Employer is responsible for buying construction insurance and other insurances as stipulated by the Law.
ĐIỀU 17. BẤT KHẢ KHÁNG	ARTICLE 17. FORCE MAJEURE
17.1. Định nghĩa về Bất khả kháng	17.1. Definition on force majeure
Trong Điều này, "Bất khả kháng" có nghĩa là một sự kiện hoặc trường hợp bất	In this Clause, "Force Majeure" means an unusual event or circumstance:
(a) Ngoài khả năng kiểm soát của một Bên,	(a) Beyond the control of one party,
(b) Bên đó không có thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết Hợp đồng,	(b) One party can not reasonably prevent before signing the Contract,
(c) Đã xảy ra mà bên đó không thể tránh hay khắc phục một cách hợp lý, và	(c) One party is reasonably unavoidable or unsurmountable, and
(d) Thực chất không thể quy cho bên kia.	(d) It is not suitable to impute a blame to the other party.
Bất khả kháng có thể gồm, nhưng không giới hạn, những sự kiện hay trường hợp bất thường thuộc các loại được liệt kê dưới đây, nếu thoả mãn các điều kiện từ (a) đến (d) ở trên:	Force majeure includes but not limited to following extraordinary events or situations if they meet enough conditions from (a) to (d):
(i) Chiến tranh, tình trạng chiến tranh (bất kể có tuyên bố chiến tranh hay không) sự xâm lược, hoạt động của kẻ thù nước ngoài,	(i) War, hostilities (even war proclamation or not), invasion, foreign enemies
(ii) Nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến,	(ii) Rebel, terrorism, revolution, army or civil war,
(iii) Nổi loạn, náo loạn, vi phạm kỷ luật, bãi công, hay bị bao vây bởi những người không phải là người của Nhà thầu và các người làm thuê khác của Nhà thầu và Nhà thầu phụ.	(iii) Rebel, riot, violation, strike of the people who are not staffs of the Contractor and other employees of the Contractor and the subcontractors.
(iv) Vũ khí đạn dược của chiến tranh, vật liệu nổ, phóng xạ ion hoặc ô nhiễm do hoạt động phóng xạ, ngoại trừ do có thể quy kết cho việc Nhà thầu sử dụng vũ khí đạn dược, chất nổ, phóng xạ và hoạt động phóng xạ, và	(iv) Lethal weapons, explosive, ionization causing radioactivation in the local country, except the Contractor is allowed to use lethal weapons, explosive, radioactive substance and
(v) Các thiên tai như động đất, lốc, bão hay hoạt động núi lửa.	(v) Natural calamity such as earthquake, whirlwind or active volcano.
17.2. Thông báo về Bất khả kháng	17.2. Notice of Force majeure
Nếu một Nhà thầu hoặc sẽ bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, Bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã v	In case one Contractor can not carry out their duty according to the Contract because of force majeure, they must inform the other in writing about events or circumstances causing force majeure and demonstrate clearly missions or jobs which will be delaye

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.	Incase the aggrieved party already send a notice to the other, they has to be exempted from any duties during force majeure which prevent their jobs.
Dẫu cho có các quy định nào khác của Khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo Hợp đồng.	A part from this Clause, force majeure is not also applied to obligation of payment of one party for the other with any other regulations.
17.3. Nghĩa vụ giảm sự chậm trễ đến thấp nhất	17.3. Obligation to minimise delay
Mỗi Bên thường xuyên phải có sự nỗ lực hợp lý để tối thiểu hoá chậm trễ trong việc thực hiện Hợp đồng do bất khả kháng.	The parties have to try their utmost to minimise delay in implementation of the Contract in the light of force majeure.
Một bên phải gửi thông báo cho bên kia khi không còn bị ảnh hưởng bởi tình trạng bất khả kháng.	One party must send a notice to the other party when they are not impacted by force majeure any more.
17.4. Các hậu quả của bất khả kháng	17.4. Consequences of force majeure
Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo Khoản 17.2 [Thông báo về bất khả kháng], và chịu sự chậm trễ và/ hoặc chịu chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền theo Khoản 18.1 [K	If the Contractor can not implement any articles of the Contract due to force majeure defined according to Clause 17.2 [Notice of force majeure] and bear delay or/and cost caused by force majeure, the Contractor will have right to do as the Clause 18.1
(a) Kéo dài thời gian do sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ, và	(a) Delay is extended, jobs will be postponed, and
(b) Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong phần từ (i) tới (iv) của Khoản 17.1 [Định nghĩa về bất khả kháng] và, trong trường hợp từ phần (ii) tới (iv) xảy ra ở nước sở tại, được thanh toán các chi phí này. Sau khi nhận được thông báo này,	(b) If the situation is described as from (i) to (iv) of Clause 17.1 [Definition on force majeure] and the circumstances from (ii) to (iv) occur in the local country, the Contractor will be paid for this cost. Upon receipt of this notice, the Employer w
17.5. Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ	17.5. Consequences of force majeure on the subcontractors
Nếu bất kỳ Nhà thầu phụ nào có quyền theo Hợp đồng hay theo thoả thuận liên quan đến các công việc làm giảm nhẹ tình trạng bất khả kháng theo các khoản bổ sung hay rộng hơn những gì đã quy định trong Điều này, thì những sự việc và tình trạng bất khả kháng	If any subcontractors have rights as the Contract or the agreement related to lightening circumstances of force majeure in accordance with additional clauses or wider than what stipulated at this Clause, the Contractor will not exempted from carrying out
17.6. Chấm dứt hợp đồng, thanh toán, hết trách nhiệm	17.6. Termination of the Contract, payment and no longer responsibility
Nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 30 ngày do Bất khả kháng đã được thông báo theo Khoản 17.2 [Thông báo Bất khả kháng] hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên 30 ngày do cùng bất khả	If implementation of main works is continuously prevented in 30 days because of force majeure which is advised as Clause 17.2 [Notice of Force majeure] or in the duration of over 30 days with the same noticed force majeure, one of parties is under right t
Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:	In the event of termination, the Employer will have to pay the Contractor for:
(a) Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng;	(a) any implemented parts whose price has been defined in the Contract;

(b) Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư t	(b) ordered facilities and materials for the construction transported to the Contractor or equipments which the Contractor has responsibility to deliver: these equipment and materials will become assets (and risks) of the Employer; the Contractor will a
(c) Mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Nhà thầu phải chịu một cách hợp lý với hy vọng hoàn thành công trình;	(c) With all expenses arisen out in the force majeure, the Contractor has to reasonably bear with desire of completion of works;
(d) Chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Nhà thầu khỏi công trình và trả lại các hạng mục thiết bị này cho công trình của Nhà thầu ở nước của họ (hoặc đến một nơi khác với chi phí không lớn hơn); và	(d) removal of temporary works and equipment of the Contractor out of the construction site and returning these facilities to the works of the Contractor in their country (or to the other places with the same charge); and
(e) Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và các người lao động được Nhà thầu thuê cho toàn bộ thời gian liên quan đến công trình vào thời điểm chấm dứt Hợp đồng.	(e) compensation for staffs and employees hired by the Contractor during the duration related to the Contract at the time of termination of the Contract.
17.7. Hết trách nhiệm thực hiện theo qui định của pháp luật	17.7. No longer responsibility in compliance with the Law
Bất kể mọi quy định khác của Điều này, nếu một sự việc hay trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của các Bên (bao gồm, nhưng không giới hạn chỉ ở bất khả kháng) xảy ra mà làm một hoặc hai Bên không thể hoặc không theo luật để hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồ	In the respect of other regulations of this Clause, if any events or situations which are out of the control of the parties (including but not limited to force majeure) happen; as a result, one or two parties can not conform to rules of the Contract, an
(a) Các Bên sẽ hết nghĩa vụ tiếp tục thực hiện công việc này, mà không làm phương hại các quyền của bất kể bên nào đối với bất kỳ sự vi phạm Hợp đồng từ trước, và	(a) The Parties have no longer duties to implement this job without impacting on the other parties's right with previous violation of the Contract, and
(b) Tổng số tiền Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu sẽ giống như số tiền lẽ ra đã phải trả theo Khoản 17.6 [Chấm dứt công trình có lựa chọn, thanh toán và hết trách nhiệm] nếu Hợp đồng đã bị chấm dứt.	(b) Total amounts for which the Employer has to pay will be the same with one paid as Clause 17.6 [Termination of selected works, payment and no longer reponsibility] if the Contract is cancelled.
ĐIỀU 18. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ CÁC TRANH CHẤP	ARTICLE 18. COMPLAINT AND DISPUTE
18.1. Khiếu nại của Nhà thầu	18.1. Complaint of the Contractor
Trong trường hợp Nhà thầu tự cho rằng mình có quyền đối với bất kỳ sự gia hạn thời gian hoàn thành và/hoặc bất cứ sự thanh toán thêm theo bất kỳ Điều khoản nào của các Điều kiện này hoặc là có liên quan tới Hợp đồng, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư	In case the Contractor thinks that they have right to prolong duration of completion and/or any additional payment based on any Clauses of these conditions or related to the Contract, the Contractor must inform the Employer about complaint in details. The
Nếu Nhà thầu không thông báo về khiếu nại, trong vòng 30 ngày thì thời gian hoàn thành sẽ không được kéo dài, Nhà thầu sẽ không được quyền thanh toán thêm và Chủ đầu tư không phải chịu mọi trách nhiệm về khiếu nại. Nếu không sẽ áp dụng những quy định sau	Provided that the Contractor does not advise about their complaint within 30 days, the time of completion will not be lengthened, the Contractor will not be paid more and the Employer must not be responsible for complaint. If not the following regulations

Nhà thầu cũng phải trình các thông báo khác theo Hợp đồng yêu cầu và các chi tiết bổ sung cho việc khiếu nại, tất cả đều có liên quan tới sự việc hoặc trường hợp này.	The Contractor also submit other notices in compliance with the Contract and supplementary details for complaint, which is related to this situation.
Nhà thầu phải giữ các bản hồ sơ hiện có ở tại công trường hoặc là ở một nơi mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận vì có thể sẽ cần thiết để minh chứng cho khiếu nại. Với việc không thừa nhận trách nhiệm của Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể sau khi nhận được bất cứ	The Contractor must keep available documents at the construction site or other place accepted by the Employer since it maybe necessary for complaint. Without admitting responsibility of the Employer, perhaps after the Employer gets any notices as this Clau
Trong thời gian 15 ngày sau khi Nhà thầu ý thức được (hoặc lẽ ra đã phải ý thức được), về sự việc hoặc trường hợp đưa đến khiếu nại, hoặc là trong khoảng thời gian khác tương tự mà có thể được Nhà thầu đưa ra và được Chủ đầu tư phê duyệt, Nhà thầu phải giữ	With 15 days after the Contractor has aware of situations resulting in claims or in the similar period of time when the Contractor lodges a complaint and the Employer adopts, the Contractor has to drop the Employer details of complaint including support
(a) Các chi tiết đầy đủ của khiếu nại sẽ được xem xét như là tạm thời;	(a) Details of complaint is provisional;
(b) Nhà thầu phải gửi trực tiếp các khiếu nại tạm thời hàng tháng cho thấy sự chậm trễ tích lại và/hoặc khoản tiền khiếu nại và những chi tiết cụ thể mà Chủ đầu tư có thể yêu cầu; và	(b) The Contractor has to directly send monthly provisional complaint which shows accumulated delay and/or claim expenses and specification requested by the Employer; and
(c) Nhà thầu phải gửi bản khiếu nại cuối cùng trong vòng 07 ngày sau khi hết ảnh hưởng do sự việc hoặc trường hợp gây ra, hoặc trong khoảng thời gian khác có thể được Nhà thầu đề xuất và được Chủ đầu tư đồng ý.	(c) The Contractor must send final complaint within seven (07) days once there is no longer influences of events or circumstances resulting in complaint or the Contractor can recommend another time agreed by the Employer.
Trong vòng 30 ngày sau khi nhận được một khiếu nại hoặc các chi tiết hỗ trợ thêm cho khiếu nại trước đây, hoặc trong khoảng thời gian khác có thể được Chủ đầu tư đề xuất và Nhà thầu chấp nhận, Chủ đầu tư phải trả lời với sự tán thành hay không tán thành v	Within thirty (30) days upon receipt of complaint or supporting details for previous claims, or the Contractor can recommend another time agreed by the Employer, the Employer must reply about their acceptance or disagreement and give specifical comments.
Mỗi Chứng chỉ thanh toán phải bao gồm các khoản tiền khiếu nại như đã được chứng minh hợp lý đúng với các điều khoản liên quan của Hợp đồng. Ngoại trừ và cho đến khi các chi tiết được cung cấp đầy đủ để chứng minh toàn bộ khiếu nại, Nhà thầu sẽ chỉ được q	Each of payment certificate comprises of claim amounts which are appropriately proven with related clauses of the Contract. Except and until details are adequately provided to prove the whole complaint, the Contractor is only paid for any parts which are
Các yêu cầu của Khoản này là phần bổ sung thêm cho mọi khoản khác có thể áp dụng cho một khiếu nại. Nếu Nhà thầu không tuân thủ Khoản này hoặc Khoản khác có liên quan đến khiếu nại, thì bất cứ sự kéo dài thời gian hoàn thành và / hoặc khoản thanh toán thì	The requirements of this Clause is additional parts for other clauses and applied to the complaint. If the Contractor does not conform to this Clause or other Clauses related to the complaint, any extension of duration of completion and/or supplementary p
18.2. Giải quyết tranh chấp :	18.2. Solution to dispute :
Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng xây dựng, các bên có trách nhiệm thương lượng giải quyết. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp được thực hiện thông qua hòa giải, Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo qu	On the execution of the Construction Contract, any dispute and discrepancy shown up will be solved amicably. Otherwise the case will be referred to an arbitration commision in accordance with regulations of the Law, Vietnamese language must prioritize tha

ĐIỀU 19. QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG	ARTICLE 19. CONTRACT LIQUIDATION
19.1. Quyết toán hợp đồng	19.1. Contract liquidation
Trong vòng 30 ngày sau khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bộ dự thảo quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày c	Within thirty (30) days upon receipt of Acceptance Minutes and confirmation of the Employer shows that the Contractor has completed all obligations in compliance with the Contract, the Contractor will submit six (06) draft sets of liquidation to the Emplo
a) Giá trị của tất cả các công việc được làm theo đúng Hợp đồng, và	a) Value of all jobs is carried out as the Contract's requirement, and
b) Số tiền khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán theo Hợp đồng hoặc các thỏa thuận khác .	b) Other amounts come due based on the Contract or other agreements.
Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của dự thảo quyết toán hợp đồng, Nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi dự thảo theo sự nhất trí của hai bên	If the Employer does not agree or they think that the Contractor has not yet provided enough basis to determine any parts of draft contract liquidation, the Contractor will supply further information when the Employer gives suitable requirements and the dr
Tuy nhiên nếu sau khi có những cuộc thảo luận giữa các bên và bất kỳ thay đổi nào trong dự thảo quyết toán hợp đồng mà hai bên đã nhất trí, Chủ đầu tư sẽ thanh toán các phần đã thống nhất này của dự thảo quyết toán hợp đồng phù hợp với Khoản 5.4 [Thanh to	Still, if after the parties mutually discuss and agree to change any points of the draft contract liquidation, the Employer will make payment for accepted parts of the draft contract liquidation in accordance with Clause 5.4 [Payment] .
Khi trình quyết toán hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình Bản thanh toán trên giấy tờ khẳng định rằng toàn bộ Quyết toán hợp đồng thể hiện việc thanh toán đầy đủ và giải quyết xong tất cả số tiền phải trả cho Nhà thầu theo hoặc liên quan đến Hợp đồng. Bản thanh to	When submitting the contract liquidation, the Contractor will show adequate payment sheet to confirm that all contract liquidation demonstrates adequate payment and pay enough for the Contractor as the Contract. This payment sheet will come into force once
Căn cứ vào Khoản 5.4 [Thanh toán], Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu toàn bộ số tiền còn nợ sau khi trừ đi tất cả số tiền mà Chủ đầu tư được quyền theo Khoản 10.3 [Khiếu nại của Chủ đầu tư].	Pursuant to Clause 5.4 [Payment], the Employer will settle up with the Contractor for the remaining amounts after deducting the amounts which the Employer is granted as mentioned at Clause 10.3 [Complaint of the Employer].
19.2. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư	19.2. Termination of the Employer's responsibility
Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hoặc liên quan đến Hợp đồng hoặc thi công Công trình, trừ khi Nhà thầu đã nêu cụ thể một số tiền dùng cho việc đó :	The Employer will not be responsible to the Contractor about any matters related to the Contract or the execution of works except the Contractor obviously shows the amounts spent:
a) Trong Quyết toán hợp đồng và	a) in the Contract liquidation and
b) Trừ những vấn đề và việc nảy sinh sau khi ký Biên bản nghiệm thu công trình trong bản quyết toán hợp đồng được nêu trong Khoản 19.1 [Quyết toán hợp đồng].	b) A part from problems arisen out after Acceptance minutes of work is signed in the contract liquidation defined at Clause 19.1 [Contract liquidation].

Tuy nhiên, Khoản này không giới hạn trách nhiệm của Chủ đầu tư về các nghĩa vụ bồi thường hay trách nhiệm của Chủ đầu tư trong các trường hợp gian dối, cố ý vi phạm hay tiến hành sai công việc do lơ là của Chủ đầu tư .	However, this Clause does not limit the Employer's responsibility for cheating, intentional violation or mistakes because of the Employer's negligence.
ĐIỀU 20. ĐIỀU KHOẢN CHUNG	ARTICLE 20. COMMON ARTICLE
20.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này	20.1. The two parties are mutually pledged to comply with regulations of this Contract.
20.2. Hợp đồng này bao gồm 48 trang tiếng Việt và 42 trang tiếng Anh, và 04 Phụ lục được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt và 08 bản tiếng Anh. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản tiếng Việt và 04 bản tiếng Anh, Nhà thầu sẽ giữ 04 bản tiếng Việt và 04 bản tiếng Anh.	20.2. This Contract includes 48 pages in Vietnamese, and 42 pages in English and 04 Appendices made in eight (08) copies in Vietnamese and 08 copies in English. The Employer shall keep four (04) in Vietnamese and 04 copies in English, and the Contractor
20.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày các bên đã ký.	20.3. This Contract comes into effect from the signing date.
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
Nguyễn Văn A Tổng Giám đốc Công ty A	Oh Young Whan Tổng Giám đốc Công ty B